

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.**

- Mã chứng khoán: **TMP.**

- Địa chỉ: Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại liên hệ: 028.36223376 Fax: 0271.3778268.

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (kèm theo Biên bản số 01/BB-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 và Nghị quyết số 02/NQ-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/04/2024 tại đường dẫn <https://www.tmhpp.com.vn/c2/pages-c/Co-dong-5.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN CTCP THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Huỳnh Văn Khánh**

**BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

- Tên Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.
- Địa chỉ: Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800311306, đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008, thay đổi lần thứ 9 ngày 19/07/2022 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
- Thời gian Đại hội: Vào lúc 14h00' ngày 26/04/2024.
- Địa điểm Đại hội: Hội trường Khách sạn Tân Sơn Nhất, số 202 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương trình và nội dung Đại hội: Theo Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Chủ tọa Đại hội: Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Thư ký Đại hội : Ông Đào Nguyên Hạnh.

Diễn biến Đại hội

A. Khai mạc Đại hội

1. Ông Ngô Thành Danh, Phó Trưởng phòng Hành chính và Lao động thay mặt Ban tổ chức tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.

Thành phần tham dự gồm có: Hội đồng quản trị Công ty, Ban Kiểm soát Công ty và các Cổ đông được quyền tham dự Đại hội theo danh sách sở hữu cổ phần chốt ngày 03/04/2024.

2. Ông Nguyễn Hải Đăng - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, cụ thể như sau: Có tổng số 17 Cổ đông/ Đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện 66.318.202 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,74% trong tổng số 70.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.

Đại hội đã thống nhất thông qua Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100 % (*Kèm theo Danh sách và Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông*).

3. Ông Ngô Thành Danh - Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm phiếu. Đại hội đã biểu quyết nhất trí 100% thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu:

3.1. Đoàn chủ tịch:

- | | | | |
|-------|----------------------|-----------------|------------|
| - Ông | : Huỳnh Văn Khánh | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa |
| - Ông | : Nguyễn Văn Non | Thành viên HĐQT | Thành viên |
| - Ông | : Nguyễn Quang Quyền | Thành viên HĐQT | Thành viên |

3.2. Ban Thư ký:

- | | | | |
|-------|--------------------|--|------------|
| - Ông | : Đào Nguyên Hạnh | | Trưởng ban |
| - Ông | : Nguyễn Huỳnh Đức | | Thành viên |

3.3. Ban kiểm phiếu:

- | | | | |
|-------|------------------------|--|------------|
| - Ông | : Nguyễn Hải Đăng | | Trưởng ban |
| - Bà | : Đặng Thúy Linh | | Thành viên |
| - Bà | : Hoàng Thị Thanh Thủy | | Thành viên |

B. Thông qua chương trình, tài liệu và Quy chế tổ chức Đại hội

1. Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tọa Đại hội trình bày Chương trình, tài liệu Đại hội. Đại hội đã thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% (*Kèm theo Chương trình, tài liệu Đại hội*).

2. Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tọa Đại hội trình bày Quy chế tổ chức họp, Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Đại hội đã thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% (*Kèm theo Quy chế tổ chức họp và Quy định thể lệ biểu quyết*).

C. Trình bày các văn kiện tại Đại hội

1. Ông Nguyễn Văn Non - Tổng giám đốc Công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023, kế hoạch năm 2024.

2. Bà Bùi Thị Kim Na - Kế toán trưởng trình bày Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

3. Ông Huỳnh Văn Khánh - Trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2023.

4. Ông Huỳnh Văn Khánh - Trình bày Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận và chính sách chi trả cổ tức năm 2023.

5. Ông Nguyễn Văn Non - Trình bày Báo cáo tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và dự kiến tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2024.

6. Bà Lê Nguyễn Khánh Linh - Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2023.

7. Bà Lê Nguyễn Khánh Linh - Trưởng ban kiểm soát Công ty trình bày Tờ trình Lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024.

D. Đại hội thảo luận: Đại hội không có ý kiến góp ý.

E. Biểu quyết thông qua văn kiện Đại hội

Ông Nguyễn Hải Đăng - Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn Cổ đông thực hiện thủ tục biểu quyết các nội dung Đại hội tại ĐHĐCĐ thường niên 2024.

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu, gồm các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023, kế hoạch năm 2024 gồm các nội dung chính:

1.1. Kết quả sản xuất điện năm 2023

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Sản lượng điện đầu cực	Triệu kWh	808
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	738
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70
2	Sản lượng điện giao nhận	Triệu kWh	802
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	732
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70

1.2. Kết quả kinh doanh riêng năm 2023

- Tổng doanh thu: 864,90 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 327,28 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 537,62 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 448,00 tỷ đồng.

1.3. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023

- Tổng doanh thu: 958,52 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 404,08 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 554,44 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 460,18 tỷ đồng..

1.4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024
1	Doanh thu	Tr.đồng	571.433
	- Doanh thu SXKD	Tr.đồng	560.309
	- Doanh thu từ ĐMT áp mái	Tr.đồng	311
	- Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	Tr.đồng	10.813
2	Chi phí	Tr.đồng	340.173
3	Lợi nhuận SXKD điện	Tr.đồng	231.260
4	Cổ tức và lợi nhuận được chia	Tr.đồng	49.368
5	Hoạt động SXKD khác	Tr.đồng	4.152
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	21.370
	- Chi phí khác	Tr.đồng	17.218
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	284.780
7	Thuế TNDN	Tr.đồng	42.816
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	241.964
9	Tỷ suất lợi nhuận trên VDL	%	34,6%
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL	%	20%

b. Kế hoạch đầu tư:

❖ Kế hoạch đầu tư xây dựng:

- Văn phòng làm việc Tp. Hồ Chí Minh: Công ty triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền có văn bản chỉ đạo đối với phương án nhận quyền sử dụng đất (QSDD) xây dựng văn phòng làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh.

- Nhà máy thủy điện TMMR: Sau khi EVN có phương án nhượng bán Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng, Công ty lập phương án chuyển giao và báo cáo cấp thẩm quyền thông qua.

- Các dự án nguồn điện mới: Công ty triển khai thủ tục đầu tư theo quy định và được cấp có thẩm quyền chấp thuận (giao TMP làm Chủ đầu tư dự án) đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch Điện VIII.

❖ **Kế hoạch mua sắm tài sản: 62,37 tỷ đồng.**

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2024
1	Thiết bị thử nghiệm điện trở 01 chiều	0,45
2	Fly cam trang bị Camera nhiệt	0,29
3	Module mở rộng Hộp bộ thí nghiệm cao áp tần số thấp thử nghiệm PD cáp ngầm trung thế	1,95
4	Thiết bị đo điện trở động OLTC	0,48
5	Thiết bị mở rộng CP-TD15, cuộn kháng CP-CR600 dùng đo tan máy phát	2,60
6	Lắp hệ thống chống sét chủ động CNN, Đập tràn	1,16
7	Thiết bị thử cao áp ALT-210/50F và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo	0,88
8	Máy đo điện trở tiếp đất & điện trở suất của đất	0,21
9	Nâng cấp hệ thống điện 220 VDC	4,63
10	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ máy phát H2	4,63
11	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát H2	4,84
12	Thiết bị phát sóng WIFI Chuẩn AC	0,13
13	Thiết bị Hội nghị truyền hình (Trang bị phòng họp B Vp HCM)	0,98
14	Máy lọc dầu bôi trơn	4,41
15	Hệ thống phân tán sét và tiếp địa trạm 110kV	3,72
16	01 Xe ô tô 07 chỗ	1,45
17	01 Xe ô tô 19 chỗ	2,70
18	Đề án đảm bảo ANTT cho các hệ thống thông tin GD 2023-2028	16,50

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2024
19	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ mát phát H1	4,63
20	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát H1	4,84
21	Cung cấp, lắp đặt máy hút hơi dầu các ổ trục máy phát	0,91
Tổng cộng		62,37

c. Kế hoạch khoa học công nghệ: 50,02 tỷ đồng.

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2024
I	CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2023 SANG NĂM 2024	43,08
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ thủy điện Thác Mơ	5,80
2	Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số	7,51
3	Ứng dụng AI dự báo công suất nhà máy ĐMT Thác Mơ	2,00
4	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	5,98
5	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD	1,97
6	Mua sắm hệ thống APM (Quản lý hiệu suất sử dụng tài sản)	19,82
II	HẠNG MỤC BỔ SUNG NĂM 2024	6,95
1	Trang bị hệ thống giám sát nhiệt độ các thiết bị bên trong các tủ trung thế 10kV và 22kV	2,11
2	Phần mềm Quản lý vật tư thiết bị bằng công nghệ mã vạch	0,97
3	Nâng cấp HT Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	3,87
Tổng cộng		50,02

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán:

2.1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tài sản ngắn hạn : 978.989.593.477 đồng.
- Tài sản dài hạn : 996.953.764.253 đồng.

- Tổng cộng tài sản : 1.975.943.357.730 đồng.
- Nợ phải trả : 527.393.885.491 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu : 1.448.549.472.239 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn : 1.975.943.357.730 đồng.

2.2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tài sản ngắn hạn : 1.015.614.765.695 đồng.
- Tài sản dài hạn : 1.129.570.095.979 đồng.
- Tổng cộng tài sản : 2.145.184.861.674 đồng.
- Nợ phải trả : 558.304.342.133 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu : 1.586.880.519.541 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn : 2.145.184.861.674 đồng.

Nội dung chi tiết Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán đính kèm.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

3. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ như sau:

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2023
I	Tổng lợi nhuận được phân phối	870.879.127.907
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2023	448.004.213.500
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	358.129.335.469
3	Lợi nhuận đã phân phối các năm trước	-28.549.362.731
4	Hoàn nhập quỹ Đầu tư phát triển	93.294.941.669
II	Phương án phân phối lợi nhuận	

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	134.401.264.050
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.493.868.000
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng thêm	7.493.868.000
4	Quỹ thưởng Người quản lý, KSV	599.350.250
5	Cổ tức bằng tiền mặt	628.810.000.000
	Trong đó:	
	- Đã tạm ứng đợt 1 (25%)	175.000.000.000
	- Đã tạm ứng đợt 2 (26%)	182.000.000.000
	- Đã tạm ứng đợt 3 (38,83%)	271.810.000.000
	- Còn lại chi trả trong năm 2024 (0%)	0
6	Lợi nhuận để lại	92.080.777.607

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

6. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2023 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2024 của thành viên HĐQT và BKS, gồm:

6.1. Thực hiện năm 2023:

Tổng: 2.018.434.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách : 806.052.000 đồng.
- Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách : 18.458.000 đồng.
- Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách: 285.440.000 đồng.
- Tiền lương TBKS chuyên trách: 716.484.000 đồng.
- Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách: 192.000.000 đồng.

6.2. Dự kiến năm 2024:

Tổng: 1.820.868.000 đồng, trong đó:

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 532.068.000 đồng.
- Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách: 453.252.000 đồng.
- Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách: 181.296.000 đồng.
- Tiền lương TBKS chuyên trách: 472.956.000 đồng.

- Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách: 181.296.000 đồng.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

7. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

F. Bế mạc Đại hội

Ông Đào Nguyên Hạnh - Thư ký Đại hội đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội trước toàn thể Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí 100% thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Ông Huỳnh Văn Khánh - Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ lúc 16h20' ngày 26/04/2024.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đào Nguyên Hạnh

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Huỳnh Văn Khánh

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 07/11/2007 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/06/2023;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-TMP-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024 về việc Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

1.1. Kết quả sản xuất điện năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
1	Sản lượng điện đầu cực	Triệu kWh	808
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	738
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70
2	Sản lượng điện giao nhận	Triệu kWh	802
	Thủy điện Thác Mơ	Triệu kWh	732
	Điện mặt trời Thác Mơ	Triệu kWh	70

1.2. Kết quả kinh doanh riêng năm 2023:

- Tổng doanh thu: 864,90 tỷ đồng.

- Tổng chi phí: 327,28 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 537,62 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 448,00 tỷ đồng.

1.3. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023

- Tổng doanh thu: 958,52 tỷ đồng.
- Tổng chi phí: 404,08 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 554,44 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN: 460,18 tỷ đồng.

2. Kế hoạch năm 2024:

2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024
1	Doanh thu	Tr.đồng	571.433
	- Doanh thu SXKD	Tr.đồng	560.309
	- Doanh thu từ ĐMT áp mái	Tr.đồng	311
	- Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	Tr.đồng	10.813
2	Chi phí	Tr.đồng	340.173
3	Lợi nhuận SXKD điện	Tr.đồng	231.260
4	Cổ tức và lợi nhuận được chia	Tr.đồng	49.368
5	Hoạt động SXKD khác	Tr.đồng	4.152
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	21.370
	- Chi phí khác	Tr.đồng	17.218
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	284.780
7	Thuế TNDN	Tr.đồng	42.816
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	241.964
9	Tỷ suất lợi nhuận trên VDL	%	34,6%
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL	%	20%

2.2. Kế hoạch đầu tư

❖ Kế hoạch đầu tư xây dựng:

- Văn phòng làm việc Tp. Hồ Chí Minh: Công ty triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền có văn bản chỉ đạo đối với phương án nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) xây dựng văn phòng làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh.

- Nhà máy thủy điện TMMR: Sau khi EVN có phương án nhượng bán Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng, Công ty lập phương án chuyển giao và báo cáo cấp thẩm quyền thông qua.

- Các dự án nguồn điện mới: Công ty triển khai thủ tục đầu tư theo quy định và được cấp có thẩm quyền chấp thuận (giao TMP làm Chủ đầu tư dự án) đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch Điện VIII.

❖ Kế hoạch mua sắm tài sản: 62,37 tỷ đồng.

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2024
1	Thiết bị thử nghiệm điện trở 01 chiều	0,45
2	Fly cam trang bị Camera nhiệt	0,29
3	Module mở rộng Hộp bộ thí nghiệm cao áp tần số thấp thử nghiệm PD cấp ngầm trung thế	1,95
4	Thiết bị đo điện trở động OLTC	0,48
5	Thiết bị mở rộng CP-TD15, cuộn kháng CP-CR600 dùng đo tan máy phát	2,60
6	Lắp hệ thống chống sét chủ động CNN, Đập tràn	1,16
7	Thiết bị thử cao áp ALT-210/50F và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo	0,88
8	Máy đo điện trở tiếp đất & điện trở suất của đất	0,21
9	Nâng cấp hệ thống điện 220 VDC	4,63
10	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ mát phát H2	4,63
11	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát H2	4,84
12	Thiết bị phát sóng WIFI Chuẩn AC	0,13
13	Thiết bị Hội nghị truyền hình (Trang bị phòng họp B Vp HCM)	0,98
14	Máy lọc dầu bôi trơn	4,41
15	Hệ thống phân tán sét và tiếp địa trạm 110kV	3,72

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2024
16	01 Xe ô tô 07 chỗ	1,45
17	01 Xe ô tô 19 chỗ	2,70
18	Đề án đảm bảo ANTT cho các hệ thống thông tin GD 2023-2028	16,50
19	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ máy phát H1	4,63
20	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát H1	4,84
21	Cung cấp, lắp đặt máy hút hơi dầu các ổ trục máy phát	0,91
Tổng cộng		62,37

2.3. Kế hoạch khoa học công nghệ: 50,02 tỷ đồng.

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2024
I	CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2023 SANG NĂM 2024	43,08
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ thủy điện Thác Mơ	5,80
2	Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số	7,51
3	Ứng dụng AI dự báo công suất nhà máy ĐMT Thác Mơ	2,00
4	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	5,98
5	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD	1,97
6	Mua sắm hệ thống APM (Quản lý hiệu suất sử dụng tài sản)	19,82
II	HẠNG MỤC BỔ SUNG NĂM 2024	6,95
1	Trang bị hệ thống giám sát nhiệt độ các thiết bị bên trong các tủ trung thế 10kV và 22kV	2,11
2	Phần mềm Quản lý vật tư thiết bị bằng công nghệ mã vạch	0,97
3	Nâng cấp HT Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	3,87
Tổng cộng		50,02

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tài sản ngắn hạn : 978.989.593.477 đồng.
- Tài sản dài hạn : 996.953.764.253 đồng.
- Tổng cộng tài sản : 1.975.943.357.730 đồng.
- Nợ phải trả : 527.393.885.491 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu : 1.448.549.472.239 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn : 1.975.943.357.730 đồng.

2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bao gồm một số nội dung cơ bản như sau:

- Tài sản ngắn hạn : 1.015.614.765.695 đồng.
- Tài sản dài hạn : 1.129.570.095.979 đồng.
- Tổng cộng tài sản : 2.145.184.861.674 đồng.
- Nợ phải trả : 558.304.342.133 đồng.
- Nguồn vốn chủ sở hữu : 1.586.880.519.541 đồng.
- Tổng cộng nguồn vốn : 2.145.184.861.674 đồng.

Nội dung chi tiết Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán đính kèm.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm 2023.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ năm 2023.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ như sau:

Đvt: đồng.

Stt	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2023
I	Tổng lợi nhuận được phân phối	870.879.127.907
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2023	448.004.213.500
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	358.129.335.469
3	Lợi nhuận đã phân phối các năm trước	-28.549.362.731
4	Hoàn nhập quỹ Đầu tư phát triển	93.294.941.669
II	Phương án phân phối lợi nhuận	
1	Quỹ đầu tư phát triển	134.401.264.050
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7.493.868.000
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng thêm	7.493.868.000
4	Quỹ thưởng Người quản lý, KSV	599.350.250
5	Cổ tức bằng tiền mặt	628.810.000.000
	Trong đó:	
	- Đã tạm ứng đợt 1 (25%)	175.000.000.000
	- Đã tạm ứng đợt 2 (26%)	182.000.000.000
	- Đã tạm ứng đợt 3 (38,83%)	271.810.000.000
	- Còn lại chi trả trong năm 2024 (0%)	0
6	Lợi nhuận để lại	92.080.777.607

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 6. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2023 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2024 của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ như sau:

1. Tổng số tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 là: 2.018.434.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm mười tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng).

2. Tổng số tiền lương, thù lao dự kiến năm 2024 là: 1.820.868.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

✓ Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.

Điều 7. Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

✓ *Số cổ phần biểu quyết tán thành: 66.318.202 CP, chiếm tỷ lệ 100%.*

Điều 8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 26/04/2024. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Nghị quyết.

Nơi nhận:

- Toàn thể cổ đông qua website;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Huỳnh Văn Khánh

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

**Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2023
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2024**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Năm 2023 đã khép lại, Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (TMP) trải qua 16 năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Ban lãnh đạo và CBCNV TMP đã phát huy tối đa những thế mạnh để đạt được nhiều thành tựu trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Công ty đã triển khai quyết liệt, có trọng tâm các giải pháp thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao, luôn nhận được sự hỗ trợ của Cổ đông lớn và Chính quyền địa phương các cấp, Hội đồng quản trị Công ty. Ban điều hành cùng với đội ngũ CBCNV đã nỗ lực đoàn kết, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong năm 2023.

Ban điều hành Công ty luôn nhận thức rõ trách nhiệm trước Cổ đông, mọi hoạt động của Ban điều hành luôn theo sát định hướng của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị với mục tiêu đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất và sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong kỳ Đại hội thường niên lần này, Đại hội sẽ đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu của năm 2023, định hướng và đề ra các giải pháp triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 cho Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Phần I
Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023

A. Sản xuất kinh doanh

Trong năm 2023, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và hai Công ty con nhìn chung đều hoàn thành so với kế hoạch, cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất

Sản lượng điện sản xuất của Công ty mẹ đạt 808 triệu kWh, bằng 101% kế hoạch năm 2023, trong đó:

1.1 Nhà máy Thủy điện Thác Mơ

Tình hình thủy văn, lưu lượng về hồ khá hơn dự báo năm 2023. Lưu lượng nước về trung bình là 131 (m³/s), bằng 124% kế hoạch, bằng 103% cùng kỳ năm 2022 và bằng 115% trung bình nhiều năm (từ 1995 – 2022).

Công ty đã chủ động tính toán, bám sát tình hình diễn biến thủy văn, dự báo lưu lượng nước về hồ Thác Mơ để lập kế hoạch khai thác tối ưu hồ chứa, kết quả sản xuất đạt được cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023		TH 2022	Tỷ lệ / Chênh lệch	
			KH	TH		So với KH 2023	So với năm 2022
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)/(4)	(8)=(5)/(6)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	724	738	867	102%	93%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	718	732	860	102%	93%
3	Lưu lượng về	m ³ /s	106	131	128	124%	102%
4	Lưu lượng xả	m ³ /s	0	11	4		
5	Mức nước hồ cuối kỳ	m	215,89	217,61	215,76		

1.2. Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ 50 MWp

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023		TH 2022	Tỷ lệ	
			KH	TH		So với KH 2023	So với năm 2022
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)/(4)	(8)=(5)/(6)
1	Sản lượng điện đầu cực	GWh	76,30	70,20	71,78	92%	98%
2	Sản lượng điện giao nhận	GWh	75,80	69,69	71,20	92%	98%

Sản lượng điện sản xuất của Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ không đạt sản lượng thiết kế do: Nhà máy phải điều tiết cắt giảm công suất phát theo tình hình chung của hệ thống (thừa nguồn phát vào cao điểm nắng); Diễn biến thời tiết có nhiều mây, ít nắng trong mùa khô làm giảm bức xạ trong khu vực Nhà máy so với thiết kế.

2. Kết quả kinh doanh

2.1. Kết quả kinh doanh Công ty mẹ

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2023		TH 2022	Tỷ lệ	
			KH	TH		So với KH 2023	So với 2022
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)/(4)	(8)=(5)/(6)
1	Sản lượng điện						
a	Sản lượng phát	GWh	801	808	939	101%	86%
b	Sản lượng giao nhận	GWh	795	802	932	101%	86%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	686,97	864,90	1.037,88	126%	83%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	330,46	327,28	357,27	99%	92%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	356,51	537,62	680,61	151%	79%
5	Thuế thu nhập DN	Tỷ đồng	59,23	89,62	121,53	151%	74%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	297,28	448,00	559,08	151%	80%
7	CP O&M/CS đặt	Triệu đồng/MW	572	554	636	98%	88%
8	Tỷ lệ LNST/VĐL	%	42,5	64,0	79,9	151%	80%

2.2. Kết quả kinh doanh hợp nhất

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2023	TH 2022	Tỷ lệ SS 2023/2022
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)	(8)=(5)/(6)
1	Doanh thu	Tỷ đồng	881,45	1.086,22	88%
1.1	SXKD thủy điện	Tỷ đồng	720,59	939,04	77%
1.2	SXKD ĐMT	Tỷ đồng	118,05	118,95	99%
1.3	Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	42,81	28,23	152%
2	Chi phí	Tỷ đồng	390,43	427,31	95%
3	Lợi nhuận SXKD điện	Tỷ đồng	491,01	658,91	73%
4	Cổ tức và lợi nhuận được chia	Tỷ đồng	40,65	21,78	187%
5	Phần lãi hoặc lỗ trong Cty LD, LK	Tỷ đồng	20,66	20,07	103%
6	HĐ SXKD khác	Tỷ đồng	2,12	6,71	32%
6.1	Doanh thu, khác	Tỷ đồng	15,77	16,95	93%
6.2	Chi phí	Tỷ đồng	13,65	10,24	133%
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	554,44	707,47	78%
8	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	94,26	127,39	74%
9	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	460,18	580,08	79%
9.1	LNST của cổ đông công ty mẹ	Tỷ đồng	454,98	573,35	79%
9.2	LNST của cổ đông không kiểm soát	Tỷ đồng	5,20	6,72	77%

2.3. Hoạt động kinh doanh dịch vụ

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2022	Tỷ lệ so với năm 2022
I	Doanh thu dịch vụ	15,223	12,32	123,6%
1	Doanh thu TMMR	8,348	7,48	111,6%
1.1	Doanh thu QLVH TMMR	6,213	6,11	101,7%
1.2	Doanh thu thực hiện theo KH được giao	2,135	1,38	154,7%
2	Doanh thu cung cấp nước thô	1,542	1,37	112,6%
3	Doanh thu MSC thực hiện	4,521	2,81	160,9%
4	Doanh thu khác	0,812	0,65	124,9%
II	Chi phí	13,495	10,24	131,8%
III	Lợi nhuận	1,728	2,08	83,1%

2.4. Công tác sửa chữa thường xuyên thiết bị, công trình

Trong năm 2023, Công ty đã triển khai thực hiện sửa chữa thường xuyên theo đúng kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

2.4.1. Tình hình sửa chữa các tổ máy

STT	Thiết bị	Kế hoạch	Thực hiện
1	SCTX tổ máy H1	04/01-09/01	04/01-08/01
2	SCBD tổ máy H1	09/03-23/03	09/03-05/04
3	Vệ sinh cách điện H2	01/06-15/06	01/06-13/06

2.4.2. Tình hình sửa chữa thiết bị

Stt	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	Sửa chữa theo RCM trạm 110kV	Đã hoàn thành.
2	Kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	Đã hoàn thành.
3	Kiểm định hiệu chuẩn thiết bị đo lường	Đã hoàn thành.
4	Cung cấp dịch vụ bảo trì phần mềm năm 2023	Đã hoàn thành.
5	Kiểm định thiết bị đo mưa & đo mực nước	Đã hoàn thành.
6	Sửa chữa bộ làm mát ổ đỡ	Chuyển tiếp năm 2024
7	Nâng cấp hệ thống điện một chiều 220VDC	Chuyển tiếp năm 2024

2.4.3. Tình hình sửa chữa phần công trình

Stt	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
1	Sửa chữa nhà khách dãy C khu A	Đã hoàn thành.
2	Xử lý sạt lở đất cơ đồi dọc DT741	
3	Sửa chữa hệ thống thoát nước cơ đồi dọc DT741	
4	Bờ bao Chống ngập hạ lưu nhà máy	
5	Hạ tầng thiết yếu VP Đồng Xoài (Trạm biến áp, Nhà nghỉ giữa ca, Sân đường nội bộ, công trình phụ trợ)	
6	Sửa chữa hàng rào đập Bình Đức	
7	Sửa chữa đường vận hành trạm OPY	
8	Sửa chữa hệ thống Nhà vệ sinh Khu nhà lầu	
9	Cung cấp cửa phòng làm việc khu A	
10	Sửa chữa phòng làm việc khu A	

3. Tình hình nộp ngân sách Nhà nước

Đvt: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	KH 2023	TH 2023	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)
1	Thuế giá trị gia tăng	47,20	59,18	125%
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	54,60	89,71	164%
3	Thuế tài nguyên	61,10	70,12	115%
4	Phí môi trường rừng	23,60	26,37	112%
5	Phí cấp quyền khai thác TNN	6,80	8,48	125%
6	Tiền thuê đất	1,50	1,10	73%
7	Thuế khác (TNCN, môn bài...)	2,50	6,37	255%
Tổng cộng		197,27	261,33	132%

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chỉ số tài chính

4.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2023	TH 2023	Đánh giá
1	Hệ số khả dụng	%	95,76	93,67	Không đạt

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2023	TH 2023	Đánh giá
2	Tỷ lệ ngừng máy bảo dưỡng	%	3,84	6,33	
3	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,40	0	Đạt
4	Suất sự cố		1,50	0	
5	Tỷ lệ điện tự dừng	%	0,83	0,73	

Công ty đã triển khai thực hiện sửa chữa bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên theo kế hoạch năm 2023. Tổ máy H1 sửa chữa kéo dài hơn so với kế hoạch là 13 ngày do xử lý độ đảo trục tăng cao. Trong năm không có sự cố xảy ra, các hư hỏng thiết sót đều được khắc phục kịp thời.

4.2. Các chỉ số tài chính

Stt	Chỉ số	Đvt	Năm					Tỷ lệ	
			2023	2022	2021	2020	2019	So với năm gần nhất	So với TB 3 năm gần nhất
1	EPS	Nghìn đồng/cp	6,40	7,99	4,51	2,75	5,36	80%	126%
2	P/E	Lần	10,64	6,20	11,42	16,51	6,66	172%	94%
3	ROA	%	22,67	26,23	17,21	8,81	21,11	86%	130%
4	ROE	%	30,93	36,06	24,77	11,42	24,99	86%	128%
5	ROS	%	51,80	53,87	45,82	40,28	55,74	96%	111%
6	KNTT hiện hành	Lần	4,85	5,23	5,22	7,6	9,94	93%	81%
7	KNTT ngắn hạn	Lần	4,85	5,23	5,22	7,6	9,94	93%	81%
8	KNTT nhanh	Lần	4,85	5,22	5,21	7,6	9,94	93%	81%
9	Khả năng bảo toàn vốn (*)		Bảo toàn	Bảo toàn	Bảo toàn	Bảo toàn	Bảo toàn		

- EPS năm 2023 của TMP giảm 20% so với năm 2022, dẫn đến chỉ số giá trên thu nhập (P/E) năm 2023 tăng 72% so với năm 2022.

- Các chỉ số ROA, ROE, ROS của TMP giảm so với năm 2022 chủ yếu đến từ việc giảm LNST năm 2023 của TMP.

- Hệ số khả năng thanh toán của Công ty trong năm đạt trên 4 lần cho thấy Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm có lãi, Công ty bảo toàn vốn.

5. Giá cổ phiếu và tỷ lệ chi trả cổ tức

5.1. Giá cổ phiếu

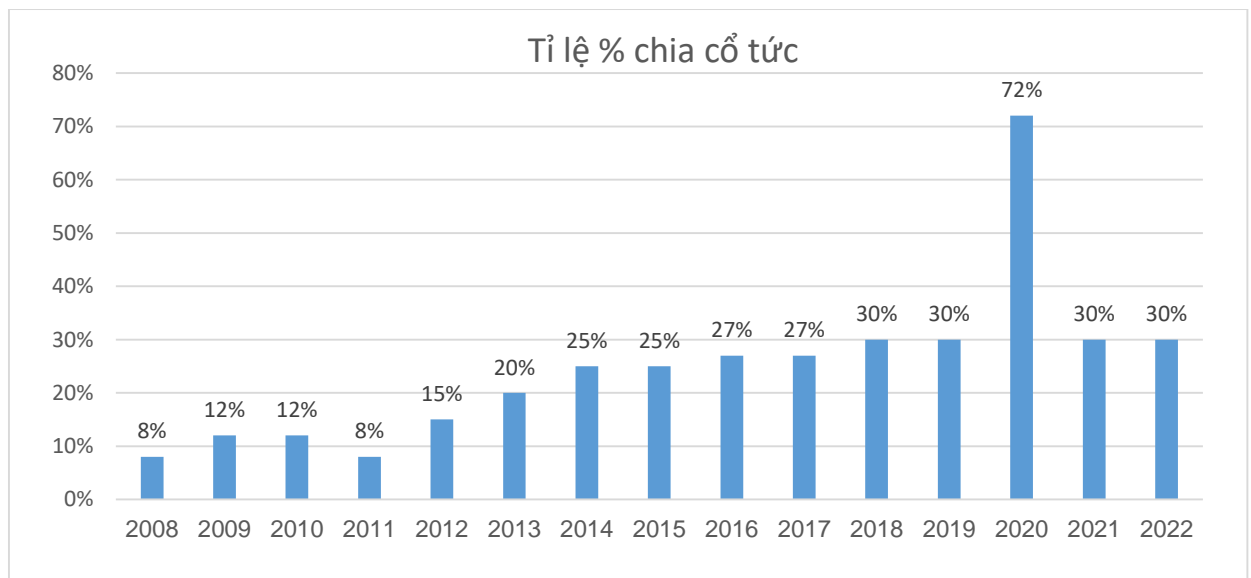
Giá cổ phiếu của Công ty có xu hướng tăng qua các năm, biểu đồ giá cổ phiếu của Công ty từ ngày 01/04/2009 đến ngày 01/04/2024 như sau:



Nguồn: <https://s.cafef.vn/>

5.2. Tỷ lệ chi trả cổ tức

Tỷ lệ chi trả cổ tức trung bình từ năm 2008-2022 là 25% và có xu hướng tăng qua các năm, cụ thể theo biểu đồ dưới đây:



B. Đầu tư mua sắm tài sản

- Công ty đã triển khai thực hiện đầu tư tài sản và mua sắm năm 2023 tiết kiệm khoản 3,35 tỷ đồng so với kế hoạch được giao, tương ứng tiết giảm khoản 11% so với kế hoạch, chi tiết như sau:

Stt	HẠNG MỤC	THỰC HIỆN
1	HT truyền số liệu quan trắc về trụ sở EVNGENCO2	Đã hoàn thành
2	Chuyển đổi giao thức IEC60870-5-101 sang IEC60870-5-104	
3	Mua xe oto phục vụ công tác vận hành và hoạt động SXKD	
4	Mua sắm vật tư sửa chữa theo phương án	
5	Mua sắm Dụng cụ sản xuất MSC	
6	Mua sắm thiết bị Cơ khí Thủy công	
7	Mua sắm thiết bị phục vụ sửa chữa CNTT	
8	Vật tư sửa chữa thường xuyên CNTT năm 2023	
9	Bảo vệ lồng tốc bằng bộ vượt tốc cơ - thủy lực (H1)	
10	Mua vật tư dự phòng chiến lược năm 2023	Chuyển tiếp từ năm 2023 sang năm 2024
11	Hệ thống cảnh báo vận hành hồ chứa	
12	Lắp đặt hệ thống nhận diện và tự động mở cổng cho xe ra vào	
13	Mua sắm thiết bị Hội nghị truyền hình - Phòng họp B	Chuyển tiếp từ năm 2023 sang năm 2024
14	Cung cấp và lắp đặt máy biến áp T4	
15	Hệ thống chống sét chủ động CNN, Đập tràn	
16	Mua xe nâng người làm việc trên cao	
17	Mua sắm thiết bị giám sát phóng điện cục bộ	
18	Mua sắm thiết bị giám sát rung và đảo trục máy phát	
19	Bảo vệ lồng tốc tổ máy bằng bộ vượt tốc cơ - thủy lực (H2)	
20	Mua sắm thiết bị thí nghiệm năm 2023	

C. Ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Trong năm 2023, Phần mềm Quản lý kế hoạch và phần mềm quản lý kinh doanh thị trường điện do các Cán bộ của Công ty xây dựng và phát triển đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam công nhận là sáng kiến cấp Tập đoàn, Công ty đang tiếp tục triển khai các đề tài sau:

- 2.1. Đề tài ứng dụng AI vào dự báo lưu lượng nước về hồ Thác Mơ.
- 2.2. Số hóa tài liệu lưu trữ thư viện.

2.3. Nâng cấp hệ thống CNTT tại TMP.

2.4. Quản trị công ty bằng ứng dụng trên thiết bị di động (App Mobile).

2.5. Mua sắm hệ thống APM (Quản lý hiệu suất sử dụng tài sản).

D. Đầu tư xây dựng

1. Văn phòng làm việc Đồng Xoài

Dự án đã hoàn thiện và nghiệm thu. Hiện tại, đến cuối năm 2023, các công trình phụ trợ phục vụ cho Văn phòng đã được hoàn thiện.

2. Cụm dự án ĐMT Thác Mơ 375MWp - Giai đoạn 2

Cụm dự án ĐMT Thác Mơ 375MWp – Giai đoạn 2 đã được đưa vào danh sách các dự án tiềm năng của Quy hoạch điện VIII.

Tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 về Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050, dự án đã được đưa vào giai đoạn năm 2021-2030.

E. Đầu tư góp vốn

Trong năm 2023, Công ty không có phát sinh đầu tư góp vốn. Giá trị đầu tư góp vốn vào các Công ty đến hết năm 2023 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Tên công ty	Vốn góp đến hết 2023	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ chia cổ tức (%)
I	Công ty con			
1	CTCP Thủy điện Đăkrosa	48,93	61,17%	25%
2	CTCP Mỹ Hưng Tây Nguyên	137,20	99,78%	10%
II	Công ty liên kết			
1	CTCP Phong điện Thuận Bình	100,00	20,00%	10%
2	CTCP Đầu tư khai thác Hồ TĐ Thác Mơ	1,40	35,00%	3%
III	Đầu tư dài hạn khác			
1	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	149,58	3,00%	30%
2	Công ty CP Cơ điện điện lực Đồng Nai	1,28	10,00%	7%
Tổng cộng		438,39		

F. Công tác khác

I. Quản lý, sử dụng đất đai, lòng hồ

- Phối hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương trong việc xử lý kịp thời các vụ việc lấn chiếm lòng hồ. Đã tổ chức xây dựng hàng rào các khu vực đất thuộc quyền quản

lý, cắm mốc bổ sung toán bộ hành lang bảo vệ an toàn Công trình, tổ chức tuần tra định kỳ bảo vệ chống lấn chiếm. Công tác bảo vệ an ninh an toàn công trình được đảm bảo.

- Đất hành lang bảo vệ công trình: Đã chỉ đạo các đơn vị tổ chức lấy ý kiến các hộ dân về việc hỗ trợ bồi thường; đã liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Bù Đăng hỗ trợ Công ty lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Chuyển đổi mục đích sử dụng đảo Sơn Trung: đang tiếp tục bám sát thực hiện. Do quy hoạch rừng phòng hộ thuộc quyền quyết định của Quốc hội nên cần nhiều thời gian để giải trình thuyết phục các cấp có thẩm quyền.

- Khu đất dự trữ an toàn đập 67 ha: UBND Tỉnh chưa ra quyết định giao quản lý do có nhiều vướng mắc hiện trạng, căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật và ảnh hưởng nhiều hộ dân sinh sống. Đến nay đã lập các biên bản và tổ chức tuần tra định kỳ giữ nguyên hiện trạng. Đang tiếp tục bám sát Sở TNMT, Sở NNPTNT và Thanh tra Tỉnh để đôn đốc thực hiện theo Kết luận thanh tra 26 của UBND Tỉnh, cơ bản các sở ban ngành thống nhất báo cáo UBND Tỉnh xem xét quyết định. Tuy nhiên do tình hình quản lý sử dụng đất, cấp đất, giao đất và cho thuê đất trong năm 2023 có nhiều phức tạp trong việc thực hiện theo luật đất đai 2013, do đó các cấp thẩm quyền rất cần trọng xem xét quyết định, dự báo để hoàn thành mục tiêu này sẽ còn rất nhiều khó khăn và kéo dài.

II. Công tác tổ chức và nhân sự

Tính đến 31/12/2023, số lượng CBCNV Công ty là 110 người. Trong năm, TMP đã hoàn thành công tác tuyển dụng thêm 03 lao động và đã triển khai, thực hiện kiện toàn cán bộ tổng cộng là 32 người, cụ thể như sau:

- Đối với TMP, kiện toàn cán bộ là 19 người, gồm:
 - ✓ CT.HĐQT, TV.HĐQT TMP: 02 người
 - ✓ Bổ nhiệm lại Trưởng/phó trưởng đơn vị: 12 người
 - ✓ Bổ nhiệm mới Trưởng đơn vị: 01 người
 - ✓ Tiếp nhận và bổ nhiệm Phó trưởng đơn vị: 01 người
 - ✓ Luân chuyển và điều động: 03 người
- Đối với Công ty con, kiện toàn cán bộ là 13 người, gồm:
 - ✓ Kiện toàn cán bộ tại Đăkrosa: 04 người
 - ✓ Kiện toàn cán bộ tại MHTN: 09 người

III. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực

Trong năm 2023, Công ty đã tổ chức và cử đi đào tạo với các khóa đào tạo cụ thể như sau:

- Tổ chức đào tạo trên phần mềm E-learning: Công ty đã tạo bài giảng, tổ chức học trên phần mềm E-learning với 2.507 lượt CBCNV tham gia đạt yêu cầu; các khóa đào tạo như An toàn thông tin trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; Tổng quan HRMS; Quy trình bổ sung lý lịch nhân sự trên hệ thống HRMS; Phòng ngừa tai nạn do trượt, vấp ngã trong sản xuất; Nội quy lao động trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; Chiến lược phát triển EVN đến năm 2030; Chuyển đổi số trong nhà máy nhiệt điện; Hướng dẫn xây dựng workflow trong số hóa quy trình; Hướng dẫn thực hiện Livetream khi công tác ngoài hiện trường; Hướng dẫn sử dụng MS Office 365 để làm việc nhóm; Văn hóa tập đoàn điện lực Việt Nam, Văn hóa doanh nghiệp. Trong năm, số lượt trung bình của Công ty đạt 22,38 lượt/người, vượt chỉ tiêu do EVNGENCO2 giao.

- Các khóa ngắn hạn do TMP/EVNGENCO2 tổ chức có 1.960 lượt người tham gia, cụ thể:

✓ Các khóa học ngắn hạn, dài hạn do Công ty tổ chức: 1.859 lượt, gồm các lớp như An toàn vệ sinh lao động; Giảng viên nội bộ; Văn hóa doanh nghiệp; đào tạo nội bộ về công tác vận hành, sửa chữa thiết bị trong nhà máy điện; đào tạo nâng bậc, thi nâng bậc; huấn luyện an toàn vệ sinh lao động; PCCC; Sơ cấp cứu ban đầu; Phong cách lãnh đạo; vận hành hệ thống điện, thị trường điện; Nhận thức ISO 27001:2022 ; đánh giá viên nội bộ 27001: 2022,...

✓ Các khóa học do Tổng công ty Phát điện 2 tổ chức: 101 lượt, gồm lớp quản lý năng lượng; quản lý cấp 3, cấp 4; Thị trường bán buôn điện cạnh tranh; chuyển đổi số; An toàn đập; Bình đẳng giới; Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ; Văn thư lưu trữ; Bảo vệ môi trường, Truyền thông; Chuyển đổi số....

- Tổ chức cho các cán bộ chủ chốt tham gia khóa đào tạo quản lý hiệu suất sử dụng tài sản trên nền tảng số của tập đoàn GE tại Pháp từ ngày 02/10/2023 đến ngày 16/10/2023.

IV. Công tác truyền thông

Trên cơ sở Kế hoạch truyền thông của EVN/EVNGENCO2 đã ban hành, TMP đã xây dựng kế hoạch truyền thông cụ thể, phù hợp bám sát kế hoạch năm 2023 của TMP và nhiệm vụ Chủ đề năm.

Công tác thông tin tuyên truyền về hoạt động được TMP quan tâm thực hiện, bám sát các vấn đề quan tâm của dư luận và đạt được một số kết quả tích cực.

Tăng cường phối hợp, hợp tác với các cơ quan thông tấn báo chí, chủ động cung cấp thông tin nên đã từng bước định hướng được dư luận, hạn chế thông tin bất lợi. Trong năm 2023, không để xảy ra khủng hoảng truyền thông.

Công tác tuyên truyền, phối hợp với các địa phương ở hạ du trong việc điều tiết nước mùa khô, cũng như cảnh báo sớm việc vận hành xả nước điều tiết trong mùa mưa bão được đặc biệt chú trọng thực hiện nhằm giúp người dân hiểu rõ hơn về vai trò tích cực của Nhà máy Thủy điện. Mặt khác, nhờ có sự quan tâm sát sao của các cấp Lãnh đạo và sự linh hoạt, chủ động, tuân thủ nghiêm các quy trình điều tiết hồ chứa của lực lượng vận hành đã góp phần giảm mặn trong mùa khô và cắt lũ trong mùa mưa. Qua đó, tạo được sự chia sẻ, đồng thuận của các tầng lớp nhân dân và được Quốc hội, các bộ ngành, các cấp chính quyền địa phương đánh giá cao trong công tác vận hành hồ chứa thủy điện.

PHẦN II

KẾ HOẠCH NĂM 2024

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023, tình trạng thiết bị, công trình và các nhận định về khí tượng thủy văn của Đài khí tượng thủy văn Quốc gia để xây dựng kế hoạch năm 2024 như sau:

➤ **Về tình hình thời tiết**

Căn cứ vào bản tin dự báo thời tiết mùa từ tháng 03 đến tháng 08/2024 (bản tin số 75/KTHM-02/12h00/DBQG-DBKH, ngày 14/02/2024) và bản tin dự báo thời tiết tháng 03 (từ ngày 01 đến ngày 31/03), theo đó:

- Hiện tượng El-Nino sẽ tiếp tục duy trì từ tháng 03-05/2024, từ tháng 06-08 chuyển sang trạng thái trung tính.

- Nắng nóng: Sẽ xuất hiện từ khu vực miền Đông nam bộ cuối tháng 02 và sẽ mở rộng dần sang khu vực miền Tây trong tháng 03, 04 và nửa đầu tháng 05. Khu vực miền Trung và Bắc có khả năng nắng nóng sẽ đến sớm và nóng nhiều hơn TBNN.

- Khô hạn: Khu vực Tây Nguyên và Nam bộ trình trạng khô hạn còn tiếp diễn trong thời kỳ 03-04/2024. Nhiệt độ các tỉnh từ 35 đến 38 độ C.

- Lượng mưa: Trong tháng 3/2024, TLM tại các khu vực trên cả nước phổ biến thấp hơn từ 5-15mm, riêng một số nơi ở khu vực Tây Bắc Bắc Bộ và Trung Trung Bộ thấp hơn từ 15-40mm so với TBNN cùng thời kỳ.

Nhiệt độ trung bình: tăng từ 0,5 đến 1,5 độ C từ tháng 03-05/2024.

➤ **Về tình hình phụ tải hệ thống**

Theo dự thảo chỉ thị của Thủ tướng chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024, theo đó kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường. Kinh tế và thương mại toàn cầu dự báo tiếp tục phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Trong nước, tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên.

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp, các địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển KTXH, nỗ lực phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025.

Với mục tiêu đảm bảo vận hành ổn định, an toàn, liên tục các Nhà máy; Khai thác, điều tiết tối ưu hồ chứa tuân thủ các quy trình, quy định, tăng tối đa doanh thu khi tham gia thị trường điện. Công ty đã xây dựng kế hoạch năm 2024 trên cơ sở đã được các cấp thẩm có quyền thông qua và bám sát theo kế hoạch trung hạn, cụ thể như sau:

A. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

I. Mục tiêu

1. Phân đầu hoàn thành sản lượng và doanh thu.
2. Phân đầu hoàn thành mục tiêu các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật.
3. Phân đầu vận hành ổn định, an toàn, liên tục các Nhà máy điện của Công ty.

II. Kế hoạch cụ thể

1. Kế hoạch sản xuất điện

Stt	Chỉ tiêu	KH 2024 (triệu kWh)		
		Thủy điện	ĐMT	Tổng
1	Sản lượng điện sản xuất	647	76	723
2	Sản lượng điện thương phẩm	642	75	717

2. Kế hoạch kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu	Tỷ đồng	571,433
1.1	SXKD Thủy điện	Tỷ đồng	560,309
1.2	SXKD ĐMT	Tỷ đồng	0,311
1.3	Hoạt động tài chính	Tỷ đồng	10,813
2	Chi phí	Tỷ đồng	340,173
3	Lợi nhuận SXKD điện	Tỷ đồng	231,260
4	Cổ tức và lợi nhuận được chia	Tỷ đồng	49,368
5	Hoạt động SXKD khác	Tỷ đồng	4,152
5.1	Doanh thu khác	Tỷ đồng	21,370
5.2	Chi phí khác	Tỷ đồng	17,218
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	284,780
7	Thuế TNDN	Tỷ đồng	42,816
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	241,964
9	Tỷ suất lợi nhuận trên VDL	%	34,6
10	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL	%	20

3. Các chỉ tiêu kinh kế kỹ thuật

3.1. Các chỉ tiêu kỹ thuật

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2024
1	Hệ số khả dụng	%	89,46
2	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,40
3	Tỷ lệ ngừng máy bảo dưỡng	%	10,14
4	Suất sự cố		0,50
5	Tỷ lệ điện tự dừng	%	0,83

3.2. Lịch sửa chữa các tổ máy

Stt	Nội dung	Thời gian sửa chữa	Số ngày
1	Đánh giá khối tổ máy H1	03/01/2024 đến 01/02/2024	30
2	Xử lý cách điện khối tổ máy H1	18/05/2024 đến 24/05/2024	07
3	Xử lý cách điện khối tổ máy H2	22/02/2024 đến 28/02/2024	07
4	SCBD theo RCM khối tổ máy H2	01/06/2024 đến 30/06/2024	30
Tổng cộng			74

B. Kế hoạch đầu tư mua sắm tài sản

Đvt: tỷ đồng

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2024	Ghi chú
1	Thiết bị thử nghiệm điện trở 01 chiều	0,45	Chuyển tiếp 2023 sang năm 2024
2	Fly cam trang bị Camera nhiệt	0,29	
3	Module mở rộng Hộp bộ thí nghiệm cao áp tần số thấp thử nghiệm PD cấp ngầm trung thế	1,95	
4	Thiết bị đo điện trở động OLTC	0,48	Chuyển tiếp 2023 sang năm 2024
5	Thiết bị mở rộng CP-TD15 và cuộn kháng CP-CR600 dùng đo tan MF	2,60	
6	Lắp hệ thống chống sét chủ động CNN, Đập tràn	1,16	
7	Thiết bị thử cao áp ALT-210/50F và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo	0,88	

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2024	Ghi chú
8	Máy đo điện trở tiếp đất & điện trở suất đất	0,21	
9	Nâng cấp hệ thống điện 220 VDC	4,63	
10	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ mát phát H2	4,63	
11	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát H2	4,84	
12	Thiết bị phát sóng WIFI Chuẩn AC	0,13	
13	Thiết bị Hội nghị truyền hình (trang bị phòng họp B Vp HCM)	0,98	
14	Máy lọc dầu bôi trơn	4,41	Nhu cầu thực tế
15	Hệ thống phân tán sét và tiếp địa trạm 110kV	3,72	
16	01 Xe ô tô 07 chỗ	1,45	
17	01 Xe ô tô 19 chỗ	2,70	
18	Đề án đảm bảo ANTT cho các hệ thống thông tin giai đoạn 2023-2028	16,50	
19	Thiết bị giám sát phóng điện cục bộ mát phát H1	4,63	Đồng bộ với H2
20	Thiết bị giám sát rung đảo máy phát H1	4,84	
21	Cung cấp, lắp đặt máy hút hơi dầu các ổ trục máy phát	0,91	Thay thế bộ cũ
Tổng cộng		62,37	

C. Kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đvt: tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2024
I	CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2023 SANG NĂM 2024	43,08
1	Phần mềm Dự báo lưu lượng về hồ thủy điện Thác Mơ	5,80
2	Nâng cấp hạ tầng CNTT đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số	7,51
3	Ứng dụng AI dự báo công suất nhà máy ĐMT Thác Mơ	2,00
4	Số hóa hồ sơ lưu trữ thư viện	5,98
5	Ứng dụng chạy trên IOS và Android phần mềm phục vụ SXKD	1,97

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2024
6	Mua sắm hệ thống APM (Quản lý hiệu suất sử dụng tài sản)	19,82
II	HẠNG MỤC BỔ SUNG NĂM 2024	6,95
1	Trang bị hệ thống giám sát nhiệt độ các thiết bị bên trong các tủ trung thế 10kV và 22kV	2,11
2	Phần mềm Quản lý vật tư thiết bị bằng công nghệ mã vạch	0,97
3	Nâng cấp Hệ thống Camera analog giám sát hiệu quả thiết bị công trình	3,87
Tổng cộng		50,02

D. Kế hoạch đầu tư xây dựng

1. Văn phòng làm việc Tp. Hồ Chí Minh: Công ty triển khai các thủ tục đầu tư theo quy định sau khi được cấp có thẩm quyền có văn bản chỉ đạo đối với phương án nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) xây dựng văn phòng làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh.

2. Nhà máy thủy điện TMMR: Sau khi EVN có phương án nhượng bán Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng, Công ty lập phương án chuyên giao và báo cáo cấp thẩm quyền thông qua.

3. Các dự án nguồn điện mới: Công ty triển khai thủ tục đầu tư theo quy định và được cấp có thẩm quyền chấp thuận (giao TMP làm Chủ đầu tư dự án) đảm bảo phù hợp theo Quy hoạch Điện VIII.

Trên đây là báo cáo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ về kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2023 và kế hoạch năm 2024. Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét, thông qua.

(Tờ trình này thay thế cho Tờ trình số 217/TTr-TMP-HĐQT ngày 05/04/2024)

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 37

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Non.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu 13468366/67551020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 15 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		978.989.593.477	1.070.824.194.430
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	58.661.687.097	3.530.155.747
111	1. Tiền		4.661.687.097	3.530.155.747
112	2. Các khoản tương đương tiền		54.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		237.000.000.000	733.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.1	237.000.000.000	733.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		681.496.994.298	331.154.275.358
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	616.901.257.812	272.610.696.880
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		563.472.060	1.056.598.309
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	14.640.000.000	14.640.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	49.392.264.426	42.846.980.169
140	IV. Hàng tồn kho	7	574.754.025	2.493.461.627
141	1. Hàng tồn kho		574.754.025	2.493.461.627
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.256.158.057	646.301.698
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		793.624.357	178.842.109
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		462.533.700	467.459.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		996.953.764.253	1.060.901.923.062
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		52.134.107.000	66.774.107.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	25	51.280.000.000	65.920.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		854.107.000	854.107.000
220	II. Tài sản cố định		500.869.677.066	542.987.839.181
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	491.800.324.011	533.153.090.234
222	Nguyên giá		2.635.318.092.123	2.613.631.066.803
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.143.517.768.112)	(2.080.477.976.569)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	9.069.353.055	9.834.748.947
228	Nguyên giá		14.290.235.933	14.290.235.933
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.220.882.878)	(4.455.486.986)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	6.944.512.876
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.944.512.876
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		438.394.430.000	438.394.430.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	11.2	186.134.430.000	186.134.430.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	11.3	101.400.000.000	101.400.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.4	150.860.000.000	150.860.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.555.550.187	5.801.034.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.076.602.460	5.100.148.856
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	87.636.677	-
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		1.391.311.050	700.885.149
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.975.943.357.730	2.131.726.117.492

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		527.393.885.491	581.260.855.753
310	I. Nợ ngắn hạn		201.711.646.008	204.583.159.690
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	23.199.906.028	34.402.617.364
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	68.047.810.280	75.335.214.298
314	3. Phải trả người lao động		14.142.445.479	23.147.926.103
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	2.380.696.789	2.077.996.944
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	13.056.078.574	10.983.635.611
320	6. Vay ngắn hạn	16	50.853.956.580	50.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	30.030.752.278	7.781.812.790
330	II. Nợ dài hạn		325.682.239.483	376.677.696.063
338	1. Vay dài hạn	16	305.123.739.483	355.977.696.063
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		20.558.500.000	20.700.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.448.549.472.239	1.550.465.261.739
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	1.448.549.472.239	1.550.465.261.739
411	1. Vốn cổ phần		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		254.130.345.832	56.454.368.091
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		-	290.931.473.498
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		494.419.126.407	503.079.420.150
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		494.419.126.407	503.079.420.150
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.975.943.357.730	2.131.726.117.492



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	741.765.248.055	943.265.188.459
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(253.065.332.687)	(269.091.657.925)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		488.699.915.368	674.173.530.534
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	122.766.353.395	89.979.946.730
22 23	5. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	21	(34.367.069.026) (34.367.069.026)	(34.299.833.827) (34.299.833.827)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(39.847.707.289)	(53.876.568.180)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		537.251.492.448	675.977.075.257
31	8. Thu nhập khác		370.284.815	4.629.857.817
40	9. Lợi nhuận khác		370.284.815	4.629.857.817
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		537.621.777.263	680.606.933.074
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(89.705.200.440)	(121.527.512.924)
52	12. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	24.1, 24.3	87.636.677	-
60	13. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		448.004.213.500	559.079.420.150



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		537.621.777.263	680.606.933.074
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	63.805.187.435	62.342.331.992
03	Hoàn nhập dự phòng		-	(2.518.473.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(122.766.353.395)	(89.979.946.730)
06	Chi phí lãi vay	21	34.367.069.026	34.299.833.827
07	Điều chỉnh khác		-	2.060.518.420
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		513.027.680.329	686.811.197.083
09	Tăng các khoản phải thu		(340.582.372.114)	(106.029.734.900)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.228.281.701	(403.471.328)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(19.381.580.519)	4.241.767.402
12	Giảm chi phí trả trước		408.764.148	999.328.689
14	Tiền lãi vay đã trả		(34.520.815.165)	(34.128.410.712)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(97.142.768.811)	(71.501.056.430)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.808.809.002)	(12.022.607.597)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.228.380.567	467.967.012.207
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(14.742.512.444)	(12.379.958.947)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(237.000.000.000)	(813.000.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn và thu hồi cho vay		747.640.000.000	509.640.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		113.010.932.458	86.847.256.030
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		608.908.420.014	(228.892.702.917)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

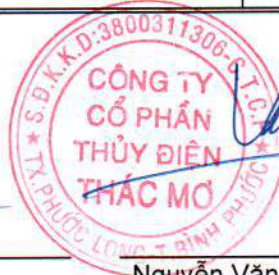
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền trả nợ gốc vay	16	(50.853.956.580)	(38.140.467.435)
36	Cổ tức đã trả	18.4	(509.151.312.651)	(265.342.758.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(560.005.269.231)	(303.483.225.635)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		55.131.531.350	(64.408.916.345)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		3.530.155.747	67.939.072.092
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	58.661.687.097	3.530.155.747



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 110 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 110).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 26 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty đã đề cập để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là "Chế độ Kế toán EVN").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.2 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	29 - 34 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	10 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	-	1.260.000.000
Tiền gửi ngân hàng	4.661.687.097	2.270.155.747
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (*)	54.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	58.661.687.097	3.530.155.747

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2%/năm đến 3,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	613.740.947.926	270.439.289.023
Phải thu từ các bên khác	3.160.309.886	2.171.407.857
TỔNG CỘNG	616.901.257.812	272.610.696.880

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi hộ	34.474.592.805	30.532.186.661
Cổ tức	10.125.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	2.894.893.000	7.986.895.700
Khác	1.897.778.621	4.327.897.808
TỔNG CỘNG	49.392.264.426	42.846.980.169
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	<i>44.599.592.805</i>	<i>30.532.186.661</i>
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	<i>4.792.671.621</i>	<i>12.314.793.508</i>

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	409.435.032	1.281.163.609
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	165.163.793	1.188.668.520
Công cụ, dụng cụ	155.200	23.629.498
TỔNG CỘNG	574.754.025	2.493.461.627

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.335.392.198.944	1.074.658.995.937	177.972.153.705	25.607.718.217	2.613.631.066.803
Mua trong năm	596.141.242	5.826.620.151	2.037.125.578	5.699.938.415	14.159.825.386
Đầu tư XDCB hoàn thành	7.527.199.934	-	-	-	7.527.199.934
Số cuối năm	1.343.515.540.120	1.080.485.616.088	180.009.279.283	31.307.656.632	2.635.318.092.123
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.240.144.967.191	595.956.478.972	110.353.929.528	4.956.153.022	1.951.411.528.713
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	1.254.308.158.084	691.221.255.030	125.778.733.947	9.169.829.508	2.080.477.976.569
Khấu hao trong năm	6.861.823.456	46.106.536.308	6.806.086.347	3.265.345.432	63.039.791.543
Số cuối năm	1.261.169.981.540	737.327.791.338	132.584.820.294	12.435.174.940	2.143.517.768.112
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	81.084.040.860	383.437.740.907	52.193.419.758	16.437.888.709	533.153.090.234
Số cuối năm	82.345.558.580	343.157.824.750	47.424.458.989	18.872.481.692	491.800.324.011
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	58.280.527.938	319.359.109.887	36.370.726.548	13.558.914.888	427.569.279.261

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>13.151.533.335</u>	<u>1.138.702.598</u>	<u>14.290.235.933</u>
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	158.280.000	158.280.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	<u>4.201.139.322</u>	<u>254.347.664</u>	<u>4.455.486.986</u>
Hao mòn trong năm	<u>429.251.004</u>	<u>336.144.888</u>	<u>765.395.892</u>
Số cuối năm	<u>4.630.390.326</u>	<u>590.492.552</u>	<u>5.220.882.878</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>8.950.394.013</u>	<u>884.354.934</u>	<u>9.834.748.947</u>
Số cuối năm	<u>8.521.143.009</u>	<u>548.210.046</u>	<u>9.069.353.055</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	3.124.813.076	3.270.330.788
Khác	951.789.384	1.829.818.068
TỔNG CỘNG	4.076.602.460	5.100.148.856

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 11.1)	237.000.000.000	733.000.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	237.000.000.000	733.000.000.000
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.2)	186.134.430.000	186.134.430.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.3)	101.400.000.000	101.400.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.4)	150.860.000.000	150.860.000.000
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	438.394.430.000	438.394.430.000
TỔNG CỘNG	675.394.430.000	1.171.394.430.000

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 4,2%/năm đến 5,7%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	99,92	137.200.000.000	Lâm Đồng, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải bán điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkroa	61,17	48.934.430.000	Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải bán điện
TỔNG CỘNG		186.134.430.000		

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	20,00	100.000.000.000	Bình Thuận, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải bán điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	35,00	1.400.000.000.000	Bình Phước, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
TỔNG CỘNG		101.400.000.000		

11.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị khác	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	3,00	149.580.000.000	Quảng Ninh, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải điện
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai (*)	10,00	1.280.000.000	Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, sửa chữa, kinh doanh các thiết bị điện
TỔNG CỘNG		150.860.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	3.730.909.091	-
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	3.357.632.919	5.410.755.888
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất Xây dựng Bình Phước	1.937.689.707	126.676.890
Công ty TNHH Thành Phát	1.037.530.000	4.241.620.333
Khác	13.136.144.311	24.623.564.253
TỔNG CỘNG	23.199.906.028	34.402.617.364
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	18.486.203.249	33.722.822.473
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	4.713.702.779	679.794.891

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.893.293.844	89.705.200.440	97.142.768.811	53.455.725.473
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.290.414.720	26.368.326.144	26.871.163.776	6.787.577.088
Thuế tài nguyên	2.902.637.767	70.124.961.049	69.698.905.241	3.328.693.575
Thuế giá trị gia tăng	3.896.612.391	65.998.304.346	66.496.964.379	3.397.952.358
Thuế khác	352.255.576	14.860.143.408	14.134.537.198	1.077.861.786
TỔNG CỘNG	75.335.214.298	267.056.935.387	274.344.339.405	68.047.810.280

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	494.955.291	648.701.430
Khác	1.885.741.498	1.429.295.514
TỔNG CỘNG	2.380.696.789	2.077.996.944

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	11.409.605.436	9.560.918.087
Khác	1.646.473.138	1.422.717.524
TỔNG CỘNG	13.056.078.574	10.983.635.611

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY NGÂN HÀNG

	Số đầu năm	Trả trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm	VND
Ngắn hạn	50.853.956.580	(50.853.956.580)	50.853.956.580	50.853.956.580	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	50.853.956.580	(50.853.956.580)	50.853.956.580	50.853.956.580	
Dài hạn	355.977.696.063	-	(50.853.956.580)	305.123.739.483	
Vay ngân hàng	355.977.696.063	-	(50.853.956.580)	305.123.739.483	
TỔNG CỘNG	406.831.652.643	(50.853.956.580)	-	355.977.696.063	

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng, với mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	355.977.696.063	Ngày 19 tháng 10 năm 2030	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3	Một phần tài sản cố định hữu hình tại nhà máy Thủy điện Thác Mơ, trị giá 427.569.279.261 VND (Thuyết minh số 8)
Trong đó:				
Vay dài hạn	305.123.739.483			
Vay dài hạn đến hạn trả	50.853.956.580			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	7.781.812.790	2.732.400.887
Trích lập trong năm	38.920.003.000	16.975.169.500
Sử dụng trong năm	<u>(16.671.063.512)</u>	<u>(11.925.757.597)</u>
Số cuối năm	<u>30.030.752.278</u>	<u>7.781.812.790</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	231.969.100.587	285.937.542.411	1.274.361.011.089
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	559.079.420.150	559.079.420.150
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(16.975.169.500)	(16.975.169.500)
Cổ tức công bố	-	-	-	(266.000.000.000)	(266.000.000.000)
Số cuối năm	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	503.079.420.150	1.550.465.261.739
Năm nay					
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	290.931.473.498	503.079.420.150	1.550.465.261.739
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	448.004.213.500	448.004.213.500
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(93.294.941.669)	93.294.941.669	-
Đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời bằng Quỹ đầu tư phát triển (**)	-	177.746.308.461	(177.746.308.461)	-	-
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển (***)	-	19.929.669.280	(19.929.669.280)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(38.920.003.000)	(38.920.003.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(511.000.000.000)	(511.000.000.000)
Số cuối năm	700.000.000.000	254.130.345.832	-	494.419.126.407	1.448.549.472.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ (trong đó, đã tạm ứng đợt 1 trong năm 2022 là 8%) và trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý và Kiểm soát viên.
- (**) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 909/NQ-TMP-HĐQT ngày 15 tháng 9 năm 2023, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua quyết toán nguồn vốn đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ với tổng quyết toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng là 622.718.428.539 VND, trong đó, từ vốn vay thương mại là 444.972.120.078 VND và từ Quỹ đầu tư phát triển là 177.746.308.461 VND.
- (***) Theo quy định, trình tự, thủ tục hiện hành về thực hiện các dự án đầu tư mua sắm sử dụng Quỹ đầu tư phát triển.

18.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số đầu năm và số cuối năm	
	Giá trị VND	% sở hữu
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	363.415.000.000	51,92
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45
TỔNG CỘNG	700.000.000.000	100,00

18.3 Cổ phiếu

	Số đầu năm và số cuối năm
	Số lượng
Cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000 70.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000 70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (vào ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

18.4 Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố bằng tiền	511.000.000.000	266.000.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	509.151.312.651	265.342.758.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	726.541.800.471	930.947.292.673
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.223.447.584	12.317.895.786
TỔNG CỘNG	<u>741.765.248.055</u>	<u>943.265.188.459</u>

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	76.600.607.500	57.733.607.500
Lãi tiền gửi ngân hàng	46.165.745.895	32.246.339.230
TỔNG CỘNG	<u>122.766.353.395</u>	<u>89.979.946.730</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	104.860.408.893	118.087.111.261
Chi phí khấu hao	61.335.000.040	61.981.571.058
Chi phí nhân công	26.423.779.461	34.076.729.485
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.322.496.485	10.212.461.948
Chi phí nguyên vật liệu	8.462.852.972	9.532.307.868
Chi phí khác	38.660.794.836	35.201.476.305
TỔNG CỘNG	<u>253.065.332.687</u>	<u>269.091.657.925</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	<u>34.367.069.026</u>	<u>34.299.833.827</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	13.580.999.514	16.976.429.877
Khấu hao và hao mòn	2.470.187.395	1.806.800.648
Chi phí khác	23.796.520.380	35.093.337.655
TỔNG CỘNG	<u>39.847.707.289</u>	<u>53.876.568.180</u>

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	104.860.408.893	118.447.872.195
Chi phí khấu hao và hao mòn	63.805.187.435	62.342.331.992
Chi phí nhân công	38.659.264.000	51.053.159.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.024.454.564	17.608.135.067
Chi phí nguyên vật liệu	9.721.671.929	9.962.252.890
Chi phí khác	59.842.053.155	63.554.474.599
TỔNG CỘNG	<u>292.913.039.976</u>	<u>322.968.226.105</u>

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Đối với dự án Nhà máy Điện mặt trời, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng phù hợp với các quy định hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	89.630.998.827	120.893.293.844
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(87.636.677)	-
TỔNG CỘNG	<u>89.617.563.763</u>	<u>121.527.512.924</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>537.621.777.263</u>	<u>680.606.933.074</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	107.524.355.453	136.121.386.615
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	599.508.608	208.951.079
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Thu nhập thuế hoãn lại	(87.636.677)	-
Thuế TNDN được miễn	(18.492.865.234)	(15.437.043.850)
Chi phí thuế TNDN	<u>89.617.563.763</u>	<u>121.527.512.924</u>

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

24.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<u>Bảng cân đối kế toán riêng</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Chi phí trả trước	<u>87.636.677</u>	-	<u>87.636.677</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên HĐQT từ ngày 22 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT đến ngày 22 tháng 12 năm 2023
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Kim Na	Kế toán trưởng
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Công ty mẹ Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrôsa	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 (“PECC2”)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (“PECC3”)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP.Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	8.348.409.864	7.484.596.933
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	726.217.119.718	930.633.710.507
Công ty Cổ phần Năng lượng REE	Cổ đồng lớn	Chia cổ tức	217.859.302.000	113.406.212.000
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Chia cổ tức	265.292.950.000	138.097.700.000
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Thu tiền cổ tức	13.720.000.000	13.720.000.000
		Thu tiền cho vay	14.640.000.000	14.640.000.000
		Lãi cho vay	5.348.553.370	5.598.437.699
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Công ty con	Thu tiền cổ tức	12.233.607.500	12.233.607.500
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết	Thu tiền cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	10.125.000.000	21.600.000.000
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.939.629.600	4.504.762.640
		Bán điện	324.680.753	313.582.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	-	180.000.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	594.165.802.173	251.545.671.617
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	10.098.878.797	10.098.878.797
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	9.075.041.683	3.721.983.627
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	372.160.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	29.065.273	47.085.765
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	5.025.669.217
TỔNG CỘNG			<u>613.740.947.926</u>	<u>270.439.289.023</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	27.267.692.037	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	10.125.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Chi hộ	7.206.900.768	3.264.494.624
TỔNG CỘNG			<u>44.599.592.805</u>	<u>30.532.186.661</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	<u>14.640.000.000</u>	<u>14.640.000.000</u>
Phải thu về cho vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	Cho vay	<u>51.280.000.000</u>	<u>65.920.000.000</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
PECC3	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	3.730.909.091	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	304.583.145	-
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	298.506.655	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	165.412.500	-
PECC2	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	138.972.373	138.972.373
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	48.195.646	-
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	27.123.369	76.515.308
Công ty Điện lực Bình Phước – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	368.519.030
Công ty Thí nghiệm Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	95.788.180
TỔNG CỘNG			<u>4.713.702.779</u>	<u>679.794.891</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát:

	Chức vụ	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch HĐQT	872.256.000	849.054.000
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm TGD	836.482.000	813.187.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT đến ngày 22 tháng 12 năm 2023	93.419.000	11.132.000
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên HĐQT từ ngày 22 tháng 12 năm 2023	19.531.000	-
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 11 năm 2022	-	56.580.000
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó TGD	743.954.000	724.480.000
Ông Đinh Văn Sơn	Phó TGD	743.954.000	724.480.000
Thu nhập của Ban kiểm soát		964.288.000	929.062.000
TỔNG CỘNG		4.465.884.000	4.328.775.000

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng tại Tòa nhà Etown 1 và thuê đất tại Tỉnh Bình Phước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.711.525.496	3.538.310.846
Trên 1 – 5 năm	14.013.209.012	14.644.080.808
Trên 5 năm	24.931.178.048	21.177.677.491
TỔNG CỘNG	43.655.912.556	39.360.069.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 39

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - “EVN”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên	
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lai Lệ Hương	Thành viên	
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Non	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Non.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu 13468366/67551020-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 15 tháng 3 năm 2023.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2815-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.015.614.765.695	1.117.550.368.895
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	78.051.572.515	30.391.831.051
111	1. Tiền		10.051.572.515	6.471.921.951
112	2. Các khoản tương đương tiền		68.000.000.000	23.919.909.100
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		246.500.000.000	752.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11	246.500.000.000	752.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		688.726.138.901	331.536.387.434
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	636.443.574.342	285.403.741.195
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		1.135.510.241	1.481.083.272
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	51.147.054.318	44.651.562.967
140	IV. Hàng tồn kho	7	727.990.195	2.650.096.797
141	1. Hàng tồn kho		727.990.195	2.650.096.797
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.609.064.084	972.053.613
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		830.893.134	212.149.349
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	778.170.950	759.904.264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.129.570.095.979	1.176.834.143.441
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		854.107.000	854.107.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		854.107.000	854.107.000
220	II. Tài sản cố định		816.545.551.290	868.889.918.514
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	803.872.194.616	856.979.259.820
222	Nguyên giá		3.228.600.055.060	3.189.805.891.112
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.424.727.860.444)	(2.332.826.631.292)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	12.673.356.674	11.910.658.694
228	Nguyên giá		19.157.582.093	17.533.656.248
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.484.225.419)	(5.622.997.554)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	6.944.512.876
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	6.944.512.876
250	IV. Đầu tư tài chính		296.178.320.455	285.517.910.209
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	11	145.318.320.455	134.657.910.209
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11	150.860.000.000	150.860.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.992.117.234	14.627.694.842
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	12.999.134.454	12.281.467.932
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	770.502.535	813.362.566
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		2.222.480.245	1.532.864.344
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.145.184.861.674	2.294.384.512.336

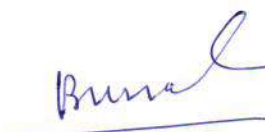
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		558.304.342.133	606.437.297.369
310	I. Nợ ngắn hạn		225.872.102.650	225.759.601.306
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	28.633.101.553	39.553.135.707
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	70.915.301.450	79.039.492.787
314	3. Phải trả người lao động		19.744.541.496	28.605.165.708
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.677.111.112	2.710.671.011
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	15.421.510.849	12.958.445.118
320	6. Vay ngắn hạn	15	57.853.956.580	54.853.956.580
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	30.626.579.610	8.038.734.395
330	II. Nợ dài hạn		332.432.239.483	380.677.696.063
338	1. Vay dài hạn	15	311.873.739.483	359.977.696.063
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		20.558.500.000	20.700.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.586.880.519.541	1.687.947.214.967
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	1.586.880.519.541	1.687.947.214.967
411	1. Vốn cổ phần		700.000.000.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		700.000.000.000	700.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		254.130.345.832	56.454.368.091
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.553.090.628	294.484.564.126
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		589.754.111.331	594.233.893.080
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		62.371.270.570	77.179.829.119
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		527.382.840.761	517.054.063.961
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	17.5	39.442.971.750	42.774.389.670
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.145.184.861.674	2.294.384.512.336



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	854.040.208.371	1.070.306.279.118
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(315.160.811.460)	(333.976.710.677)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		538.879.396.911	736.329.568.441
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	83.450.544.457	50.007.587.157
22	5. Chi phí tài chính	20	(35.254.304.830)	(35.242.089.381)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(35.254.304.830)	(35.242.089.381)
24	6. Phần lãi trong công ty liên kết		20.660.410.246	20.074.455.753
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(53.666.500.829)	(68.331.303.151)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		554.069.545.955	702.838.218.819
31	9. Thu nhập khác		370.284.815	4.629.857.817
40	10. Lợi nhuận khác		370.284.815	4.629.857.817
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		554.439.830.770	707.468.076.636
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(94.214.282.665)	(127.262.216.237)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	23.1	(42.860.031)	(130.496.708)
60	14. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		460.182.688.074	580.075.363.691
61	15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		454.984.320.354	573.354.063.961
62	16. Lợi nhuận sau thuế phân phối cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		5.198.367.720	6.721.299.730
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.6	6.500	8.191
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.6	6.500	8.191



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		554.439.830.770	707.468.076.636
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	92.762.457.017	90.703.211.073
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		-	(2.518.473.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(104.110.954.703)	(70.082.042.910)
06	Chi phí lãi vay	20	35.254.304.830	35.242.089.381
07	Điều chỉnh khác		-	2.060.518.420
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		578.345.637.914	762.873.379.100
09	Tăng các khoản phải thu		(347.562.551.521)	(105.259.611.264)
10	Giảm hàng tồn kho		1.232.490.701	307.495.647
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(19.540.545.198)	4.528.724.051
12	Tăng chi phí trả trước		(1.336.410.307)	(410.137.156)
14	Tiền lãi vay đã trả		(35.272.399.454)	(35.087.669.045)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(102.382.791.594)	(76.208.084.782)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.036.645.785)	(15.103.378.597)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		53.446.784.756	535.640.717.954
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(33.473.576.917)	(19.148.199.807)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(263.500.000.000)	(851.500.000.000)
24	Tiền thu gửi ngân hàng có kỳ hạn		769.000.000.000	532.500.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức		83.847.937.856	56.819.285.130
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		555.874.360.939	(281.328.914.677)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	15	10.000.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	15	(55.103.956.580)	(42.140.467.435)
36	Cổ tức đã trả	17.4	(516.557.447.651)	(272.830.770.565)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(561.661.404.231)	(314.971.238.000)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		47.659.741.464	(60.659.434.723)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		30.391.831.051	91.051.265.774
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	78.051.572.515	30.391.831.051



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ ("Công ty"), tiền thân là Nhà máy Thủy điện Thác Mơ, đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam - "EVN"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Bình Phước cấp ngày 1 tháng 1 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 lần thứ 9 vào ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TMP theo Quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Khu 5, Phường Thác Mơ, Thị xã Phước Long, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 165 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 159).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có hai (2) công ty con và hai (2) công ty liên kết.

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Quyền biểu quyết của Công ty (%)
Công ty con				
(1) Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Lâm Đồng, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	99,92	100,00
(2) Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Gia Lai, Việt Nam	Kinh doanh thủy điện	61,17	61,17
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận, Việt Nam	Kinh doanh phong điện	20,00	20,00
(2) Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Bình Phước, Việt Nam	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35,00	35,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Các Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán áp dụng cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là "Chế độ Kế toán EVN").

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Công cụ, dụng cụ và nguyên vật liệu - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá gốc chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	29 – 34 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 – 12 năm
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	10 – 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, thực hiện chế độ phúc lợi cho người lao động và phúc lợi xã hội, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi có xác nhận của Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất điện và đầu tư xây dựng các dự án điện. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.770.890	1.261.106.498
Tiền gửi ngân hàng	10.049.801.625	5.210.815.453
Các khoản tương đương tiền (*)	68.000.000.000	23.919.909.100
TỔNG CỘNG	78.051.572.515	30.391.831.051

(*) Đây là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 2%/năm đến 3,4%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	633.073.888.956	282.523.636.853
Phải thu từ các bên khác	3.369.685.386	2.880.104.342
TỔNG CỘNG	636.443.574.342	285.403.741.195

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi hộ	34.474.592.805	30.532.186.661
Cổ tức	10.125.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	2.937.951.251	8.182.250.447
Khác	3.609.510.262	5.937.125.859
TỔNG CỘNG	51.147.054.318	44.651.562.967
Trong đó:		
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	44.599.592.805	30.532.186.661
Phải thu từ các bên khác	6.547.461.513	14.119.376.306

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	562.671.202	1.437.798.779
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	165.163.793	1.188.668.520
Công cụ, dụng cụ	155.200	23.629.498
TỔNG CỘNG	727.990.195	2.650.096.797

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.737.970.063.928	1.238.672.318.227	182.144.755.204	31.018.753.753	3.189.805.891.112
Đầu tư XD CB hoàn thành	9.078.622.928	-	-	-	9.078.622.928
Mua trong năm	2.755.979.662	18.199.635.472	2.037.125.578	6.722.800.308	29.715.541.020
Số cuối năm	1.749.804.666.518	1.256.871.953.699	184.181.880.782	37.741.554.061	3.228.600.055.060
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	1.240.144.967.191	596.538.387.363	110.784.394.255	5.485.812.113	1.952.953.560.922
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	1.414.976.085.445	778.728.895.812	127.986.882.873	11.134.767.162	2.332.826.631.292
Khấu hao trong năm	24.070.437.270	56.784.266.656	7.180.300.035	3.866.225.191	91.901.229.152
Số cuối năm	1.439.046.522.715	835.513.162.468	135.167.182.908	15.000.992.353	2.424.727.860.444
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	322.993.978.483	459.943.422.415	54.157.872.331	19.883.986.591	856.979.259.820
Số cuối năm	310.758.143.803	421.358.791.231	49.014.697.874	22.740.561.708	803.872.194.616
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 15)	75.848.648.865	319.359.109.887	36.370.726.548	13.558.914.888	445.137.400.188

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.325.753.650	1.207.902.598	17.533.656.248
Mua trong năm	-	1.623.925.845	1.623.925.845
Số cuối năm	16.325.753.650	2.831.828.443	19.157.582.093
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	227.480.000	227.480.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	5.299.449.890	323.547.664	5.622.997.554
Hao mòn trong năm	508.473.744	352.754.121	861.227.865
Số cuối năm	5.807.923.634	676.301.785	6.484.225.419
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.026.303.760	884.354.934	11.910.658.694
Số cuối năm	10.517.830.016	2.155.526.658	12.673.356.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo trì	8.922.531.994	6.524.380.627
Tiền thuê đất trả trước	3.124.813.076	3.270.330.788
Khác	951.789.384	2.486.756.517
TỔNG CỘNG	<u>12.999.134.454</u>	<u>12.281.467.932</u>

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 11.1)	<u>246.500.000.000</u>	<u>752.000.000.000</u>
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	<u>246.500.000.000</u>	<u>752.000.000.000</u>
Dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2)	145.318.320.455	134.657.910.209
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.3)	<u>150.860.000.000</u>	<u>150.860.000.000</u>
Giá trị còn lại của các khoản đầu tư tài chính dài hạn	<u>296.178.320.455</u>	<u>285.517.910.209</u>
TỔNG CỘNG	<u>542.678.320.455</u>	<u>1.037.517.910.209</u>

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn còn lại từ sáu (6) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 5,7%/năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Số cuối năm		Số đầu năm		Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	20,00	143.880.244.937	20,00	133.257.910.209	Sản xuất, truyền tải, bán điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	35,00	1.438.075.518	35,00	1.400.000.000	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
TỔNG CỘNG		145.318.320.455		134.657.910.209	

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong năm hiện tại như sau:

	Phân lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết		Phân lợi nhuận từ công ty liên kết		Giá trị còn lại
	Giá trị đầu tư	Phân lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	Số đầu năm	Số cuối năm	
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	33.257.910.209 (10.000.000.000)	20.622.334.728	43.880.244.937	133.257.910.209
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	-	38.075.518	38.075.518	1.400.000.000
TỔNG CỘNG	101.400.000.000	33.257.910.209 (10.000.000.000)	20.660.410.246	43.918.320.455	134.657.910.209
					145.318.320.455

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị khác	Số đầu năm và số cuối năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đầu tư VND		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	3,00	149.580.000.000	Quảng Ninh, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải, bán điện
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	10,00	1.280.000.000	Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất, sửa chữa, kinh doanh các thiết bị điện
TỔNG CỘNG		<u>150.860.000.000</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đồng Tâm Đà Lạt	4.339.761.591	5.410.755.888
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (PECC3)	3.730.909.091	-
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Sản Xuất xây dựng Bình Phước	1.937.689.707	126.676.890
Công ty TNHH Thành Phát	1.037.530.000	4.241.620.333
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Khanh	-	4.211.740.000
Khác	17.587.211.164	25.562.342.596
TỔNG CỘNG	<u>28.633.101.553</u>	<u>39.553.135.707</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho các bên khác</i>	24.084.811.274	38.873.340.816
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	4.548.290.279	679.794.891

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.727.995.256	94.214.282.665	102.382.791.594	54.559.486.327
Phí dịch vụ môi trường rừng	7.824.931.200	29.605.377.816	30.007.021.320	7.423.287.696
Thuế tài nguyên	3.474.334.640	78.784.658.093	78.332.951.123	3.926.041.610
Thuế giá trị gia tăng	4.583.942.665	75.742.779.464	76.444.917.520	3.881.804.609
Thuế khác	(331.615.238)	17.643.726.229	16.965.600.733	346.510.258
TỔNG CỘNG	<u>78.279.588.523</u>	<u>295.990.824.267</u>	<u>304.133.282.290</u>	<u>70.137.130.500</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	(759.904.264)			(778.170.950)
<i>Phải trả</i>	79.039.492.787			70.915.301.450

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	13.736.537.711	11.527.592.862
Khác	1.684.973.138	1.430.852.256
TỔNG CỘNG	<u>15.421.510.849</u>	<u>12.958.445.118</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Phân loại lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	54.853.956.580	2.000.000.000	(55.103.956.580)	56.103.956.580	57.853.956.580
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15.2)	54.853.956.580	-	(55.103.956.580)	56.103.956.580	55.853.956.580
Vay ngắn hạn ngắn hạn (Thuyết minh 15.1)	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Dài hạn	359.977.696.063	8.000.000.000	-	(56.103.956.580)	311.873.739.483
Vay ngắn hạn dài hạn (Thuyết minh 15.2)	359.977.696.063	8.000.000.000	-	(56.103.956.580)	311.873.739.483
TỔNG CỘNG	414.831.652.643	10.000.000.000	(55.103.956.580)	-	369.727.696.063

15.1. Vay ngắn hạn

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	2.000.000.000	Ngày 20 tháng 4 năm 2024	7,8	Tin chấp

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.2. Vay dài hạn

Nhóm Công ty thực hiện các khoản vay dài hạn từ ngân hàng để tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	355.977.696.063	Ngày 19 tháng 10 năm 2030	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2-2,3	Một phần tài sản cố định hữu hình tại nhà máy Thủy điện Thác Mơ, trị giá 427.569.279.261 VND (Thuyết minh số 8)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Gia Lai	7.750.000.000	Ngày 30 tháng 8 năm 2030	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,4	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước	4.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 3	Một phần tài sản cố định hữu hình tại Nhà máy Thủy điện Dakrosa trị giá 17.568.120.927 VND (Thuyết minh số 8)

TỔNG CỘNG

367.727.696.063

Trong đó:

Vay dài hạn

311.873.739.483

Vay dài hạn đến hạn trả

55.853.956.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>VND</i>
Số đầu năm	8.038.734.395	2.818.746.492
Trích lập trong năm	42.482.991.000	20.226.516.500
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(19.895.145.785)</u>	<u>(15.006.528.597)</u>
Số cuối năm	<u>30.626.579.610</u>	<u>8.038.734.395</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	235.522.191.215	365.373.138.490	44.515.062.480	1.401.864.760.276
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	573.354.063.961	6.721.299.730	580.075.363.691
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	58.962.372.911	(58.962.372.911)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.530.936.460)	(695.580.040)	(20.226.516.500)
Cổ tức công bố	-	-	-	(266.000.000.000)	(7.766.392.500)	(273.766.392.500)
	700.000.000.000	56.454.368.091	294.484.564.126	594.233.893.080	42.774.389.670	1.687.947.214.967
Năm nay						
Số đầu năm	700.000.000.000	56.454.368.091	294.484.564.126	594.233.893.080	42.774.389.670	1.687.947.214.967
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	454.984.320.354	5.198.367.720	460.182.688.074
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	39.445.912	(39.445.912)	-	-
Đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời bằng quỹ đầu tư phát triển (**)	-	177.746.308.461	(177.746.308.461)	-	-	-
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển (***)	-	19.929.669.280	(19.929.669.280)	-	-	-
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	(93.294.941.669)	93.294.941.669	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(41.719.597.860)	(763.393.140)	(42.482.991.000)
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(511.000.000.000)	(7.766.392.500)	(518.766.392.500)
Số cuối năm	700.000.000.000	254.130.345.832	3.553.090.628	589.754.111.331	39.442.971.750	1.586.880.519.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế để chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 30% trên vốn điều lệ (trong đó, đã tạm ứng đợt 1 trong năm 2022 là 8%) và trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Người quản lý và Kiểm soát viên.
- (**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 909/NQ-TMP-HĐQT ngày 15 tháng 9 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết toán nguồn vốn đầu tư Dự án Nhà máy Điện mặt trời Thác Mơ với tổng quyết toán không bao gồm thuế giá trị gia tăng là 622.718.428.539 VND, trong đó, từ vốn vay thương mại là 444.972.120.078 VND và từ Quỹ đầu tư phát triển là 177.746.308.461 VND.
- (***) Theo quy định, trình tự, thủ tục hiện hành về thực hiện các dự án đầu tư mua sắm sử dụng Quỹ đầu tư phát triển.

17.2 Chi tiết vốn cổ phần

	<i>Số đầu năm và cuối năm</i>	
	<i>Giá trị VND</i>	<i>% sở hữu</i>
Tổng công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	363.415.000.000	51,92
Công ty TNHH Năng lượng REE	298.437.400.000	42,63
Các cổ đông khác	38.147.600.000	5,45
TỔNG CỘNG	700.000.000.000	100,00

17.3 Cổ phiếu

	<i>Số đầu năm và số cuối năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	
Cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	
Cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>70.000.000</i>	

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

17.4 Cổ tức

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố	511.000.000.000	266.000.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	516.557.447.651	272.830.770.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.774.389.670	44.515.062.480
Lợi nhuận thuần trong năm	5.198.367.720	6.721.299.730
Cổ tức đã công bố	(7.766.392.500)	(7.766.392.500)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	(763.393.140)	(695.580.040)
Số cuối năm	<u>39.442.971.750</u>	<u>42.774.389.670</u>

17.6 Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	454.984.320.354	573.354.063.961
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	454.984.320.354	573.354.063.961
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	70.000.000	70.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.500	8.191
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	6.500	8.191
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	6.500	8.191

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày kết thúc năm tài chính của báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	838.642.290.880	1.057.988.383.332
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.397.917.491	12.317.895.786
TỔNG CỘNG	854.040.208.371	1.070.306.279.118

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	42.803.544.457	28.227.587.157
Cổ tức được chia	40.647.000.000	21.780.000.000
TỔNG CỘNG	83.450.544.457	50.007.587.157

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	117.806.724.609	132.395.149.830
Chi phí khấu hao	90.049.948.796	90.116.948.935
Chi phí nhân công	40.917.179.601	42.470.044.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.903.422.933	38.401.731.490
Chi phí khác	50.483.535.521	30.592.835.884
TỔNG CỘNG	315.160.811.460	333.976.710.677

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	35.254.304.830	35.242.089.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	20.461.258.192	22.858.578.842
Khấu hao và hao mòn	2.712.508.221	2.032.301.852
Thuế, phí và lệ phí	382.002.099	374.839.404
Khác	30.110.732.317	43.065.583.053
TỔNG CỘNG	<u>53.666.500.829</u>	<u>68.331.303.151</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	118.181.726.708	132.769.989.234
Chi phí khấu hao và hao mòn	92.762.457.017	90.703.211.073
Chi phí nhân công	51.236.428.920	65.328.623.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.235.426.990	21.347.655.819
Chi phí nguyên vật liệu	12.054.682.345	13.722.957.831
Chi phí khác	75.356.590.309	78.435.576.491
TỔNG CỘNG	<u>368.827.312.289</u>	<u>402.308.013.828</u>

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty mẹ và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Đối với dự án Nhà máy Điện mặt trời, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp hiện đang được áp dụng phù hợp với các quy định hiện hành.

Báo cáo thuế của Công ty mẹ và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	94.140.081.052	126.627.997.157
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	42.860.031	130.496.708
TỔNG CỘNG	<u>94.257.142.696</u>	<u>127.392.712.945</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	554.439.830.770	707.468.076.636
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	110.887.966.154	141.493.615.327
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	971.083.899	522.749.780
Thuế TNDN được miễn	(17.718.969.001)	(15.388.367.950)
Chi phí thuế hoãn lại	42.860.031	130.496.708
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	74.201.613	634.219.080
Chi phí thuế TNDN	94.257.142.696	127.392.712.945

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí trả trước	87.636.677	-	87.636.677	-
Khác	682.865.858	813.362.566	(130.496.708)	(130.496.708)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	770.502.535	813.362.566		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(42.860.031)	(130.496.708)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (" HĐQT ")
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT
Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng Ban kiểm soát từ ngày 22 tháng 6 năm 2023
Ông Hồ Thành Công	Trưởng Ban kiểm soát đến ngày 22 tháng 6 năm 2023
Bà Lại Lệ Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đoàn Sử Ngọc Trân	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Kim Na	Kế toán trưởng
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 ("PECC2")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 ("PECC3")	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thí nghiệm Điện lực TP.Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư hoặc nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

VND				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	837.961.583.508	1.057.311.833.446
Công ty TNHH Năng lượng R.E.E	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	217.859.302.000	113.406.212.000
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Chia cổ tức	265.292.950.000	138.097.700.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	40.500.000.000	21.600.000.000
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết	Thu tiền cổ tức	10.000.000.000	10.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao nhất	Cung cấp dịch vụ	8.348.409.864	7.848.596.933
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ Bán điện	3.939.629.600 324.680.753	4.504.762.640 313.582.166

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	594.165.802.173	251.545.671.617
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	14.797.815.776	6.810.739.718
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	10.098.878.797	10.098.878.797
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Cung cấp dịch vụ	9.075.041.683	3.721.983.627
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Bán điện	4.936.350.527	5.320.693.877
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	5.025.669.217
TỔNG CỘNG			633.073.888.956	282.523.636.853
Phải thu ngắn hạn khác				
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	27.267.692.037	27.267.692.037
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cổ tức được chia	10.125.000.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cao nhất	Chi hộ	7.206.900.768	3.264.494.624
TỔNG CỘNG			44.599.592.805	30.532.186.661
Phải trả người bán ngắn hạn				
PECC3	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	3.730.909.091	-
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	304.583.145	-
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	298.506.655	-
PECC2	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	138.972.373	138.972.373
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	48.195.646	-
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	27.123.369	76.515.308
Công ty Điện lực Bình Phước – Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	368.519.030
Công ty Thí nghiệm Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn	Sử dụng dịch vụ	-	95.788.180
TỔNG CỘNG			4.548.290.279	679.794.891

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

		VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Huỳnh Văn Khánh	Chủ tịch HĐQT	872.256.000	849.054.000
Ông Nguyễn Văn Non	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	836.482.000	813.187.000
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	96.000.000	110.400.000
Ông Nguyễn Lê Hoàng	Thành viên HĐQT đến ngày 22 tháng 12 năm 2023	93.419.000	11.132.000
Ông Phạm Minh Trí	Thành viên HĐQT từ ngày 22 tháng 12 năm 2023	19.531.000	-
Ông Đoàn Đức Toàn	Thành viên HĐQT đến ngày 24 tháng 11 năm 2022	-	56.580.000
Ông Nguyễn Hùng Lượng	Phó Tổng Giám đốc	743.954.000	724.480.000
Ông Đinh Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	743.954.000	724.480.000
Thu nhập của Ban kiểm soát		964.288.000	929.062.000
TỔNG CỘNG		4.465.884.000	4.328.775.000

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	4.711.525.496	3.538.310.846
Trên 1 – 5 năm	14.013.209.012	14.644.080.808
Trên 5 năm	24.931.178.048	21.177.677.491
TỔNG CỘNG	43.655.912.556	39.360.069.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Hoàng Thị Thanh Thủy
Người lập



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ NĂM 2023

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 07/11/2007 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/06/2023;

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 22/6/2023, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Công ty xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty so với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Nội dung	KH năm 2023 (ĐHĐCĐ giao)	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	800	808	101%
2	Tổng doanh thu	686,97	864,90	126%
3	Tổng chi phí	330,46	327,28	99%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	356,51	537,62	151%

Stt	Nội dung	KH năm 2023 (ĐHĐCĐ giao)	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH
5	Tổng lợi nhuận sau thuế	297,28	448,00	151%
6	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	42,5	64,0	151%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức	≥ 30%	89,83%	-

1.2 Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2023 của Công ty so với thực hiện năm 2022.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	So sánh 2023/2022
1	Tổng doanh thu	1.145,02	985,52	86%
2	Tổng chi phí	437,55	404,08	92%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	707,47	554,44	78%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	580,08	460,18	79%
4.1	<i>Trong đó, LNST của Công ty Mẹ</i>	573,35	454,98	79%
4.2	<i>LNST của CĐ không kiểm soát</i>	6,72	5,20	77%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VĐL	82,87%	65,74%	79%

II. Các hoạt động của HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2023, HĐQT đã thực hiện 04 cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành các nghị quyết, quyết định đúng chức trách nhiệm vụ của HĐQT.

Trong năm 2023, từng Thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các nhiệm vụ được phân công theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền, lợi ích liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều

hành một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

2. Chi trả cổ tức năm 2022

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả hoàn thành cổ tức năm 2022 cho cổ đông.

3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Ban điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua việc thực hiện tốt việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí của Công ty. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Sản lượng điện sản xuất: 723 triệu kWh (trong đó: Thủy điện 647 triệu kWh, điện mặt trời 76 triệu kWh).

- Tổng doanh thu: 642,171 tỷ đồng.

- Tổng chi phí: 357,391 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 284,780 tỷ đồng.

- Tỷ lệ chia cổ tức: 20%.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nói trên, HĐQT xác định mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược trong năm 2024 của Công ty như sau:

1. Thực hiện tiết kiệm điện hiệu quả và đảm bảo vận hành an toàn các nhà máy, khai thác tối ưu hồ chứa, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu hệ thống.

2. Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, triển khai các giải pháp giảm sự cố, nâng cao độ tin cậy và kéo dài tuổi thọ các tổ máy.

3. Tiếp tục thực hiện công tác nhận chuyển nhượng Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng.

4. Thực hiện các thủ tục để sớm triển khai các Dự án cụm Nhà máy điện mặt trời Thác Mơ giai đoạn 2 – 375 MWp theo quy hoạch phát triển điện địa phương.

5. Tiếp tục tìm kiếm đầu tư dự án nguồn điện có hiệu quả để mở rộng quy mô và tăng năng lực sản xuất điện của Công ty.

6. Thực hiện tốt công tác quản lý, quy hoạch sử dụng và khai thác hiệu quả đất đai Công ty. Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để bảo vệ các khu đất tại: Bán đảo Sơn Trung, Mỏ đất dự phòng, đất hành lang bảo vệ công trình...

7. Thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, thực thi văn hóa Công ty, quy tắc ứng xử, đảm bảo ổn định việc làm, thu nhập và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

Năm 2023, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ; đoàn kết, trách nhiệm cùng Ban điều hành, người lao động hoàn thành Nghị quyết Cổ đông giao. HĐQT cam kết tiếp tục nỗ lực cùng tập thể cán bộ Lãnh đạo và toàn thể Người lao động khắc phục khó khăn, thách thức để hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra trong năm 2024.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ trong năm 2023 và những mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược trong năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 217/BC-TMP-HĐQT ngày 05/4/2024).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

BÁO CÁO
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP CÔNG TY
TRONG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

1. Về cơ cấu tổ chức Thành viên HĐQT độc lập trong bộ phận kiểm toán nội bộ:

- Ông Lê Tuấn Hải Thành viên HĐQT độc lập/Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Thành viên HĐQT độc lập trong bộ phận kiểm toán nội bộ:

Năm 2023, Thành viên HĐQT độc lập trong bộ phận kiểm toán nội bộ hoạt động không thù lao, chi phí và không có các lợi ích liên quan khác.

3. Tổng kết các cuộc họp của bộ phận kiểm toán nội bộ và các kết luận, kiến nghị:

Các cuộc họp của bộ phận kiểm toán nội bộ trong năm 2023:

STT	TV HĐQT độc lập trong bộ phận KTNB	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp và biểu quyết	Các kết luận, kiến nghị
01	Ông Lê Tuấn Hải	3/3	100%	- Họp tổng kết công tác kiểm toán nội bộ năm 2022; - Thông qua Chương trình công tác kiểm toán nội bộ năm 2023. - Họp đánh giá công tác kiểm toán nội bộ năm 2023.

4. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

- Về báo cáo tài chính:

Công ty đã lập và công bố BCTC định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng. BCTC bán niên và BCTC năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam theo đúng quy định hiện hành.

- Về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty (BCTC riêng):

Bảng 1: So với cùng kỳ năm trước

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/ (giảm)	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4) = (3-2)	(5)=(3/2)
Doanh thu bán hàng	943.265	741.765	-201.500	79%
Giá vốn hàng bán	269.092	253.065	-16.026	94%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	53.877	39.848	-14.029	74%
Doanh thu tài chính	89.980	122.766	32.786	136%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	559.079	448.004	-111.075	80%

Bảng 2: So với kế hoạch năm 2023

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	So với kế hoạch	Tỷ lệ %
(1)	(2)	(3)	(4) = (3-2)	(5)=(3/2)
Doanh thu	686.967	864.902	177.935	126%
Chi phí	330.462	327.280	- 3.182	99%
Lợi nhuận trước thuế	356.505	537.622	181.117	151%
Lợi nhuận sau thuế	297.277	448.004	150.727	151%

5. Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan:

Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được bộ phận kiểm toán nội bộ theo dõi. Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

6. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong Công ty:

Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp:

Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;

Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ.

8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Bộ phận kiểm toán nội bộ với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các Cổ đông:

Trong quá trình hoạt động, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã phối hợp với HĐQT, Tổng giám đốc và các Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT

khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ, mọi vấn đề phát sinh đều được thảo luận và giải quyết kịp thời.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong bộ phận kiểm toán nội bộ trong năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, TKCT.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 04 năm 2024
TRƯỞNG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Lê Tuấn Hải

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ - CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Công ty con	5800581747, cấp ngày 13/07/2023, Sở KH&ĐT tỉnh Lâm Đồng	231 Đường Âu Cơ, xã Lộc Nga, Tp. Bảo Lộc, Lâm Đồng	Năm 2023		Tổng giá trị giao dịch là 33.708.553.370 đồng. Trong đó: - 04 khoản thu nợ gốc cho vay, tổng giá trị là 14.640.000.000 đồng - 04 khoản thu lãi cho vay, tổng giá trị là 5.348.553.370 đồng - 01 khoản thu cổ tức, giá trị: 13.720.000.000 đồng	
2	Tổng Công ty phát điện 2- Công ty cổ phần	Công ty mẹ	1800590430, cấp ngày 01/07/2021, Sở KH&ĐT TP. Cần Thơ	Số 1 Lê Hồng Phong, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp.Cần Thơ	Năm 2023		- 05 khoản chi trả cổ tức với tổng giá trị là 406.406.994.500 đồng.	
3	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao nhất	0100100079	Số 11, phố Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, Hà Nội	Năm 2023		- 05 khoản cung cấp dịch vụ với tổng giá trị là 8.330.307.480 đồng	

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
4	Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		0100100079-073	Số 11, phố Cửa Bắc, P. Trúc Bạch, Q. Ba Đình, Hà Nội	Năm 2023		- 24 khoản bán điện với tổng giá trị là 726.168.728.374 đồng	
5	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkrosa		5900189597, cấp ngày 13/07/2023, Sở KH&ĐT tỉnh Gia Lai	117 Lê Đại Hành, P. Đống Đa, TP. Pleiku, Gia Lai	Năm 2023		Tổng giá trị giao dịch là 12.731.359.815 đồng. Trong đó: - 03 khoản cung cấp dịch vụ với tổng giá trị là 344.592.593 đồng - 01 khoản thu cổ tức, giá trị: 12.233.607.500 đồng - 02 khoản chi sửa chữa bảo dưỡng thiết bị với tổng giá trị là 153.159.722 đồng.	
5	Công ty Cổ phần Năng lượng REE	Cổ đông lớn	0300970375	364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Năm 2023		- 04 khoản chi trả cổ tức với tổng giá trị là 217.319.302.000 đồng.	

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
NĂM 2023**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2007 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 10 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2024 của Ban kiểm soát như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH,
THẨM TRA TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2023**

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 so với Nghị quyết ĐHĐCĐ:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện sản xuất	Triệu kWh	800	808	101%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	686,97	864,90	126%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	330,46	327,28	99%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	356,51	537,62	151%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	59,23	89,62	151%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	297,28	448,00	151%
7	Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL	%	≥ 30%	89,83%	

Ghi chú: Tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL thực hiện năm 2023 căn cứ trên phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua.

Ban kiểm soát nhận xét, đánh giá trong năm 2023 Công ty hoạt động SXKD hiệu quả, các chỉ tiêu về sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận đều vượt kế hoạch ĐHĐHĐ giao. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023 HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua là 89,83%, thực hiện chi trả bằng tiền, đảm bảo tỷ lệ ĐHĐCĐ đã đề ra.

2. Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2022	TH 2023	TH 2023/ 2022
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	1.042	900	86%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.145,02	985,52	86%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	437,55	404,08	92%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	707,47	554,44	78%
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	580,08	460,18	79%
6.1	<i>Trong đó, LNST của Công ty Mẹ</i>	Tỷ đồng	573,35	454,98	79%
6.2	<i>LNST của CĐ không kiểm soát</i>	Tỷ đồng	6,72	5,20	77%
7	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	37,55	28,10	

Kết quả SXKD hợp nhất của Công ty giảm so với năm 2022, nguyên nhân khách quan do Công ty mẹ và các công ty con SXKD chủ yếu là thủy điện nên chịu ảnh hưởng tình hình thủy văn, lưu lượng nước về hồ kém hơn so với cùng kỳ dẫn đến sản lượng điện và doanh thu sụt giảm. Tuy nhiên, các đơn vị đều nỗ lực phân đầu đạt kế hoạch SXKD và thực hiện chi trả cổ tức. Tỷ lệ cổ tức năm 2023 của Mỹ Hưng Tây Nguyên và Đăkrosa dự kiến lần lượt là 8% và 18%.

3. Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2023

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam. Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính, thống nhất với ý kiến của kiểm toán viên:

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và hợp nhất.

3.1 Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đvt	Tại 31/12/2022	Tại 31/12/2023
- Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.117.550	1.015.615
- Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.176.834	1.129.570
- Tổng cộng tài sản	Triệu đồng	2.294.384	2.145.185
- Nợ phải trả	Triệu đồng	606.437	558.304
- Nguồn vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.687.947	1.586.881
- Tổng cộng nguồn vốn	Triệu đồng	2.294.384	2.145.185

3.2 Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	48,71%	47,34%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	51,29%	52,66%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	26,43%	26,03%
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	34,22%	31,96%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	73,57%	73,97%
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	4,93	4,49
- Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3,78	3,84
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	4,95	4,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	27,08%	20,73%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	37,55%	28,10%

Báo cáo tình hình kinh doanh hợp nhất và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty phản ánh:

1) Các chỉ tiêu về cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Tỷ lệ tài sản ngắn hạn và dài hạn trong cơ cấu tổng tài sản không biến động nhiều so với năm trước. Đặc thù của các nhà máy điện là tài sản dài hạn thường chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản, tuy nhiên do giá trị còn lại của TSCĐ sau khấu hao còn khá thấp nên tỷ trọng giữa tài sản dài hạn và ngắn hạn của Công ty không quá chênh lệch.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn gần $\frac{3}{4}$, không biến động nhiều so với năm trước. Nợ phải trả của Công ty chủ yếu là khoản vay

cho dự án điện mặt trời và sẽ giảm dần nợ gốc qua các năm. Chiếm phần lớn trong cơ cấu nguồn vốn là vốn góp của CSH và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2) Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh, khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán tổng quát của Công ty đều có hệ số lớn hơn 3 lần, đảm bảo khả năng chi trả của Công ty.

3) Các chỉ tiêu về hiệu quả: ROA và ROE của Công ty có giảm so với năm trước do nguyên nhân khách quan về tình hình thủy văn như đã nêu, tuy nhiên vẫn ở mức tốt so với trung bình các năm.

Qua các chỉ tiêu tài chính đã phân tích, Ban kiểm soát nhận xét, đánh giá trong năm 2023 Công ty hoạt động SXKD hiệu quả, tình hình tài chính ổn định, bảo đảm để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, chi trả cổ tức, trả nợ vay, ... và các hoạt động khác. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn.

PHẦN THỨ HAI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NĂM 2023

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

1. Bà Lê Nguyễn Khánh Linh - Trưởng ban (thay thế ông Hồ Thành Công từ ngày 22/6/2023).
2. Bà Đoàn Sử Ngọc Trân - Thành viên.
3. Bà Lai Lệ Hương - Thành viên.

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính sau:

- Trình báo cáo hoạt động kiểm soát, báo cáo thẩm định tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2023.

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đối với HĐQT và Ban điều hành.

- Theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty.

- Trình ĐHĐCĐ thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

- Kiểm tra hoạt động SXKD, ĐTXD, tình hình tài chính và các công tác khác năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ.

- Kiểm tra, giám sát công tác quản trị dòng tiền, quản lý thu hồi nợ khó đòi và các khoản công nợ khác.

- Thẩm định tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm của Công ty.

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát.

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành Công ty.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, bất thường của Công ty.

Đánh giá: Trong năm 2023, Các thành viên Ban kiểm soát Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát chưa ghi nhận dấu hiệu bất thường nào làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hay vi phạm quy định pháp luật của Công ty trong công tác, hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý. Ngoài ra, Ban kiểm soát không ghi nhận khiếu nại nào của Cổ đông về các sai phạm của HĐQT và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

PHẦN THỨ BA

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

1. Đánh giá công tác quản lý của HĐQT

- Trong năm 2023 Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2023 phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp HĐQT định kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng phiếu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, ban hành nhiều nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

- Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực, chủ động trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Ban điều hành đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty, luôn tìm kiếm thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, năng suất lao động và tối ưu hóa chi phí của Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của đơn vị để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Tổ chức quản lý, vận hành các nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả, thực hiện tốt Đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành NMTĐ Thác Mơ và Đề án nâng cao hiệu quả quản lý công tác an toàn giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban điều hành đã nỗ lực khắc phục các vấn đề tồn tại từ các năm trước như công nợ tồn đọng, Dự án văn phòng làm việc tại Đồng Xoài, nhận chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng, thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp ít hiệu quả... Tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại như sau:

+ Tiến độ thực hiện các hạng mục phát triển khoa học công nghệ, mua sắm TSCĐ chưa đạt kế hoạch được giao, phải chuyển tiếp sang năm sau.

+ Một số chỉ tiêu về kinh tế kỹ thuật như tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng, hệ số khả dụng chưa đạt kế hoạch.

+ Vẫn tồn tại tình trạng bị lấn chiếm, canh tác trên đất Công ty đang quản lý.

+ Một số khoản công nợ phải thu còn tồn tại liên quan đến dự án Nhà máy thủy điện Thủy điện Thác Mơ mở rộng.

+ Công tác tìm kiếm dự án đầu tư còn gặp nhiều hạn chế, chưa có tín hiệu tích cực.

3. Thẩm định báo cáo của HĐQT, Ban điều hành Công ty

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Công ty trong năm 2023 và thống nhất với số liệu, kết quả báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

PHẦN THỨ BỐN

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội đồng cổ đông chỉ đạo Công ty thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành kế hoạch năm 2024 được Đại hội đồng cổ đông giao, tiếp tục triển khai quyết liệt các biện pháp khắc phục tồn tại, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD, ĐTXD, cụ thể một số nội dung trọng tâm như sau:

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, thường xuyên theo dõi tình trạng của các tổ máy, thiết bị, công trình, chủ động trong công tác bảo trì, sửa chữa nhằm nâng cao độ tin cậy của các tổ máy, thiết bị, công trình đảm bảo vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật được giao, tuyệt đối không để xảy ra sự cố vận hành.

- Thực hiện công tác sửa chữa lớn đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ và thanh quyết toán theo quy định.

- Bám sát tình hình thủy văn để đáp ứng huy động của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, đồng thời có giải pháp, chiến lược tham gia thị trường điện hiệu quả, mang lại doanh thu cao nhất cho Công ty.

- Thực hiện việc cập nhật, sửa đổi, bổ sung kịp thời các quy chế quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật và của ngành.

- Đẩy mạnh triển khai thực hiện các đề tài hoạt động khoa học công nghệ theo kế hoạch, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học công nghệ.

- Tăng cường công tác quản lý đất đai, làm việc với các cơ quan chức năng địa phương để giải quyết tình trạng bị lấn chiếm, canh tác trên đất Công ty đang quản lý, hoàn chỉnh hồ sơ liên quan đến quyền sử dụng đất.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát hiệu quả các khoản đầu tư tại các doanh nghiệp khác; thực hiện lộ trình thoái vốn theo chủ trương của cấp thẩm quyền.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản trị dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng dòng tiền.

- Tiếp tục xử lý thu hồi công nợ còn tồn đọng trong các năm trước; thường xuyên theo dõi, phân tích tuổi nợ và có biện pháp thu hồi công nợ kịp thời không để chiếm dụng vốn, giảm thiểu phát sinh nợ tồn đọng, nợ phải thu khó đòi.

- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư dự án nguồn điện, nâng cao công suất cho các nhà máy hiện hữu; tiếp tục bám sát cơ quan có thẩm quyền trong việc chuyển giao Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng.

PHẦN THỨ NĂM
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT NĂM 2024

STT	Nội dung	Thời gian
1	- Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD quý IV/2023 - Giám sát kiểm toán BCTC năm 2023 - Thẩm tra BCTC năm 2023 - Họp Ban kiểm soát quý I - Lập báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2023 trình ĐHĐCĐ	Quý I/2024
2	- Kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD, tình hình tài chính quý I năm 2024 Công ty mẹ - Trình ĐHĐCĐ đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2024 - Họp Ban kiểm soát quý II	Quý II/2024
3	- Giám sát soát xét BCTC bán niên 2024 - Thẩm tra BCTC bán niên 2024 - Kiểm soát trực tiếp hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2024 Công ty mẹ, công tác quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ - Họp Ban kiểm soát quý III	Quý III/2024
4	- Kiểm soát trực tiếp hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa (2023 và 6T2024) - Kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD, tình hình tài chính quý III Công ty mẹ - Giám sát kiểm kê tài sản nguồn vốn 2024 - Họp Ban kiểm soát quý IV	Quý IV/2024
5	- Giám sát thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết/ quyết định HĐQT; việc chấp hành điều lệ, pháp luật của Công ty - Tham dự các phiên họp HĐQT, các cuộc họp Công ty	Thường xuyên

Trên đây là báo cáo hoạt động kiểm soát năm 2023 và kế hoạch hoạt động kiểm soát năm 2024 của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.



Lê Nguyễn Khánh Linh

Số: 218/TTr-TMP-HĐQT

Bình Phước, ngày 05 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 07/11/2007 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/6/2023;

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty như sau:

Tỷ lệ cổ tức năm 2023 là 89,83%, cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
A	LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI	870.879.127.907	
1	LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023	448.004.213.500	
2	Lợi nhuận năm trước để lại	358.129.335.469	Theo NQ ĐHĐCĐ 2023
3	Lợi nhuận đã phân phối các năm trước	(28.549.362.731)	Theo NQ ĐHĐCĐ 2023
4	Hoàn nhập quỹ Đầu tư phát triển	93.294.941.669	Theo NQ ĐHĐCĐ BT 2023
B	CHIA CỔ TỨC VÀ TRÍCH CÁC QUỸ		
1	Trích quỹ Đầu tư phát triển (30% Lợi nhuận sau thuế TNDN)	134.401.264.050	Theo NĐ số 140/2020/NĐ-CP
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 6 tháng tiền lương	14.987.736.000	Theo NĐ số 53/2016/NĐ-CP

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
3	Trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp và Kiểm soát viên bằng 1,5 tháng tiền lương	599.350.250	Theo NĐ số 91/2015/NĐ-CP
4	Cổ tức		
	+ Tỷ lệ	89,83%	
	+ Thành tiền	628.810.000.000	
	Trong đó cổ tức đã tạm ứng (tỷ lệ 89,83%), tương đương 8.983 đồng/cổ phần	628.810.000.000	
C	Lợi nhuận còn lại (C=A-B1-B2-B3-B4)	92.080.777.607	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Khánh

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Thông qua báo cáo tiền lương, thù lao năm 2023 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2024 của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 07/11/2007 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22/06/2023;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo tiền lương, thù lao năm 2023 và dự kiến tiền lương, thù lao năm 2024 của Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

1. Tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT và BKS năm 2023

Tổng: 2.018.434.000 đồng, trong đó:

- | | |
|---|-------------------|
| - Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách : | 806.052.000 đồng. |
| - Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách : | 18.458.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách: | 285.440.000 đồng. |
| - Tiền lương TBKS chuyên trách: | 716.484.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách: | 192.000.000 đồng. |

2. Dự kiến tiền lương, thù lao của Thành viên HĐQT và BKS năm 2024

Tổng: 1.820.868.000 đồng, trong đó:

- | | |
|---|-------------------|
| - Tiền lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách: | 532.068.000 đồng. |
| - Tiền lương Thành viên HĐQT chuyên trách: | 453.252.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên HĐQT không chuyên trách: | 181.296.000 đồng. |
| - Tiền lương TBKS chuyên trách: | 472.956.000 đồng. |
| - Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách: | 181.296.000 đồng. |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 219/TTr-TMP-HĐQT ngày 05/4/2024).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NPTQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Văn Khánh

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
Về việc lựa chọn đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và
kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính trình Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 07 tháng 11 năm 2007 và được sửa đổi bổ sung lần thứ 10 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các đề xuất và kiến nghị như sau:

1. Thông qua danh sách đơn vị thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là các đơn vị kiểm toán độc lập thuộc Danh sách doanh nghiệp kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 2559/QĐ-BTC ngày 20/11/2023 của Bộ Tài chính.

2. Giao Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Nguyễn Khánh Linh